BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

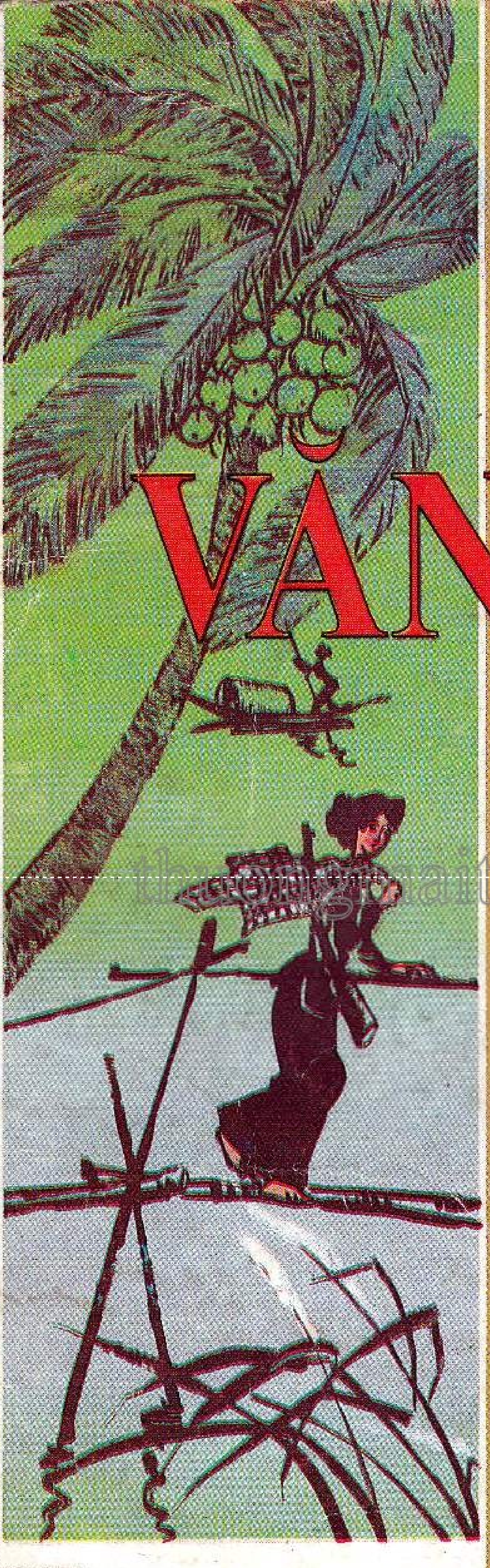

VĂN HỌC

8

TẬP HAI

thuongnhotruongxua.vn

thuongmaitr

T-VH8/2

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Biên soạn :
NGUYỄN SĨ CẨN – NGUYỄN QUỐC TÚY – VŨ NGỌC KHÁNH
Chỉnh lí :
ĐỖ BÌNH TRỊ (chủ biên)
NGUYỄN HOÀNH KHUNG – PHÙNG VĂN TỬU – HOÀNG NGỌC HIẾN

VĂN HỌC

ruongxua.vn

8

TẬP HAI

(Tái bản lần thứ 9)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC – 1998

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Giám đốc PHẠM VĂN AN
Tổng biên tập NGUYỄN NHƯ Ý

Biên tập lần đầu :
LÊ THU LAN
Biên tập tái bản :
NGUYỄN NGỌC KHANH
NGUYỄN THANH HẢI
Biên tập mĩ thuật :
TRẦN TIỂU LÂM
Biên tập kĩ thuật :
TRẦN THU NGA
Trình bày bìa :
MINH HIỀN
Minh họa :
LÊ ANH VÂN
Sửa bản in :
LÊ NHƯ HÀ
Chế bản :
TRUNG TÂM CHẾ BẢN - ĐỒ HỌA (NXB GIÁO DỤC)

$\frac{8\,(075)}{GD - 98}$ 734/166 - 97 Mã số: 2H824T8

thuongmaitr

PHẦN MỘT

VĂN HỌC VIỆT NAM

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

(Tiếp theo)

Bài 1

truongxua.vn

NGÔ TẤT TỐ VÀ TIỂU THUYẾT "TẮT ĐÈN"

Ngô Tất Tố (1893 – 1954) quê ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội) ; xuất thân là một nhà nho gốc nông dân. Ông là một học giả uyên bác[1], tác giả của nhiều công trình nghiên cứu phê bình triết học cổ đại Trung Quốc, văn học cổ Việt Nam ; là một nhà báo tiến bộ giàu tính chiến đấu, một nhà văn hiện thực xuất sắc trước Cách mạng.

Tác phẩm văn học chính : các tiểu thuyết *Tắt đèn* (1939), *Lều chõng* (1940) ; phóng sự *Việc làng* (1940).

Sau Cách mạng, Ngô Tất Tố hăng hái sáng tác phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

Tắt đèn (đăng báo năm 1937, in thành sách lần đầu năm 1939), tác phẩm văn học tiêu biểu nhất của Ngô Tất Tố, là "một

thiên tiểu thuyết (...) hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác" (lời Vũ Trọng Phụng trên báo *Thời vụ*, 1939).

Tắt đèn viết về tình cảnh khổ cực, tăm tối của người nông dân bị áp bức bóc lột tàn tệ lúc bấy giờ. Đó chính là mối quan tâm thiết tha từ lâu của Ngô Tất Tố và trở thành đề tài chủ yếu, tâm huyết nhất của nhà văn. Ngô Tất Tố chẳng những thấu hiểu sâu sắc đời sống nông thôn mà còn có tình cảm gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo khổ. Đó chính là nguyên nhân chủ yếu của sự thành công của Ngô Tất Tố trong *Tắt đèn*.

"Tắt đèn" – một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép

Truyện lấy đề tài từ nạn sưu thuế ở thôn quê Việt Nam khi đó. Chọn viết về nạn thuế thân[2] – thứ thuế rất vô lí, dã man, đã đẩy bao nông dân vào cảnh tan cửa nát nhà, bán vợ đợ con – và dồn câu chuyện vào trong mấy ngày của vụ thuế ở một làng quê, tác giả đã phản ánh xã hội nông thôn đương thời một cách tập trung, điển hình nhất, làm nổi bật lên thực trạng[3] của cái xã hội ấy. Chính trong vụ thuế, bộ mặt tàn bạo dã man của chế độ thực dân phong kiến, của các tầng lớp thống trị ở nông thôn đã bị phơi trần, đồng thời tình cảnh thê thảm của người nông dân bị áp bức bóc lột cũng bộc lộ đầy đủ hơn lúc nào hết.

Tuy số trang không nhiều, *Tắt đèn* đã vạch ra đủ mặt các lực lượng thống trị ở nông thôn đương thời. Đó là bọn địa chủ giàu có mà keo kiệt độc ác, bọn cường hào hống hách, tham lam, bọn quan lại dâm ô bỉ ổi, bọn tay sai đầu trâu mặt ngựa hung ác. Đằng sau bọn chúng còn thấy thấp thoáng bóng "ông Tây" ! Với sự hiểu biết sâu sắc và với thái độ khinh ghét cao độ những hạng người bất nhân bất nghĩa đó, Ngô Tất Tố đã dựng nên một loạt hình tượng nhân vật phản diện rất sinh động, có khi chỉ bằng vài nét phác họa sắc sảo. Bọn chúng mỗi tên mỗi vẻ nhưng đều rất giống nhau ở bản chất tàn ác, ở tư cách đê tiện, đều không chút tính người. Có thể nói, *Tắt đèn* vừa là bức tranh

rất mực chân thực về xã hội nông thôn đen tối trước Cách mạng, vừa là bản án đanh thép đối với cái xã hội ấy.

Chị Dậu – một hình tượng chân thực, đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân

Chị Dậu là hình tượng nhân vật trung tâm, là linh hồn của *Tắt đèn*. Với hình tượng chị Dậu, Ngô Tất Tố đã thành công xuất sắc trong việc thể hiện người phụ nữ nông dân lao động trước Cách mạng.

Tình cảnh điêu đứng khốn khổ của chị Dậu trong mấy ngày của vụ thuế là tiêu biểu cho số phận đau thương, tăm tối của hàng triệu phụ nữ nông dân đương thời. Chị Dậu cũng có tuổi thơ hồn nhiên như mọi trẻ em nông thôn, nhưng vốn nhà nghèo chị đã chịu khổ từ bé ; đến khi lấy chồng thì chị cùng chồng "*đầu tắt mặt tối không dám chơi không ngày nào*" mà vẫn "*cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc*". Sau hai cái tang mẹ chồng và em chồng thì gia đình chị "*lên đến bậc nhì, bậc nhất trong hạng cùng đinh*[4]" Rồi tới vụ thuế, bao nhiêu tai họa cứ dồn dập kéo đến : anh Dậu đau ốm vẫn bị cùm trói, chị phải bán con để cứu chồng, bản thân chị cũng bị đánh đập hành hạ, bị bắt lên quan, bị chúng toan giở trò bỉ ổi...

truongxua.vn

Cũng như những nhân vật phụ nữ trong truyện cổ tích, truyện Nôm xưa, chị Dậu gặp "hết nạn nọ đến nạn kia", nhưng chính trong gian truân hoạn nạn, vẻ đẹp tâm hồn của chị càng ngời sáng.

Nét nổi bật nhất ở chị Dậu là tấm lòng yêu thương chồng con tha thiết, là tính vị tha, đức hi sinh. Với người chồng ốm đau bị cùm kẹp, chị ra sức tìm mọi cách cứu anh. Chính chị đã đứng lên quật ngã hai tên tay sai hung ác của bọn thống trị để che chở cho anh Dậu. Sức mạnh dữ dội bất ngờ của chị khi đó chính là sức mạnh của tình yêu thương. Chị như đứt từng khúc ruột khi phải quyết định đem con đi bán. Người mẹ khốn khổ ấy cứ day dứt không nguôi nghĩ đến đứa con bé bỏng hiếu thảo, ngoan ngoãn phải đem bán cho nhà giàu để cứu cha... Hầu như tất cả tâm trí của chị lúc nào cũng dành cho chồng, cho con.

Có thể nói những trang cảm động nhất của *Tắt đèn* chính là những trang thể hiện tấm lòng người vợ, người mẹ của chị Dậu.

Đảm đang, tháo vát cũng là một nét nổi bật ở chị Dậu. Trong cảnh nước sôi lửa bỏng, chồng đau ốm, con thơ dại, tai họa mọi phía rình rập, chỉ có mình chị lo toan chạy vạy, đối phó đương đầu với bọn hào lí, địa chủ, quan lại, tay sai. Chị Dậu là chỗ dựa vững chắc của cả cái gia đình khốn khổ trong cơn vận hạn(5) hiểm nghèo đó.

Mặc dầu không biết chữ và với bản chất chân thật mộc mạc, chị Dậu cũng bỡ ngỡ, lạ lùng trước những thủ đoạn xảo quyệt, lắt léo cùng lề thói sinh hoạt quái gở của bọn địa chủ, quan lại. Nhưng chị Dậu không ngu đần, trái lại, chị là người thông minh sắc sảo, không dễ bị lừa bịp. Cách nói năng, ứng xử của chị với mọi người cho thấy chị vừa chất phác, hồn nhiên, vừa nhạy cảm, ý nhị, khôn khéo.

Chị Dậu có một tâm hồn ngay thẳng, trong trắng. Mặc dù bị điêu đứng khốn khổ chỉ vì thiếu mấy đồng bạc nộp sưu, chị đã phẫn nộ ném tọt cả nắm giấy bạc vào mặt tên quan phủ dâm ô trước đôi mắt giương tròn vì ngạc nhiên, sợ hãi của hắn. Qua hình tượng chị Dậu, Ngô Tất Tố đã phát hiện và khẳng định nhân phẩm lành mạnh, đẹp đẽ của người phụ nữ lao động : mặc dù họ sống trong bùn lầy tăm tối triền miên nhưng tâm hồn vẫn sạch trong và ngát thơm.

Là người phụ nữ dịu dàng, có thể nhẫn nhục chịu đựng, nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối, chỉ biết than khóc. Hành động ra tay quật ngã hai tên tay sai của bọn thống trị tuy chỉ là bột phát, nhưng đã cho thấy sức sống mạnh mẽ, tinh thần phản kháng tiềm tàng của chị Dậu, cũng như của người nông dân bị áp bức.

Tắt đèn kết thúc bằng một hình ảnh thể hiện cái nhìn bi quan của tác giả : "*Trời tối đen như mực, như cái tiền đồ của chị*". Nhưng, nếu Ngô Tất Tố bi quan về tiền đồ người nông dân đương thời, thì ông lại rất tin tưởng, trân trọng nhân phẩm đẹp đẽ và sức sống mạnh mẽ, bản chất kiên cường của họ. Mặt khác, dù tác giả chưa nhận ra con đường đấu tranh cách mạng để giải

phóng nhân dân lao động bị áp bức thì từ tác phẩm vẫn toát lên cái quy luật của xã hội : có áp bức, có đấu tranh, con đường sống của quần chúng lao khổ bị áp bức là con đường đấu tranh cách mạng, không có con đường nào khác.

"Tắt đèn", một thành tựu nghệ thuật xuất sắc

Khi vừa ra đời, *Tắt đèn* đã được dư luận coi là một tác phẩm có giá trị cao, chẳng những về nội dung tư tưởng tiến bộ mà còn về chất lượng nghệ thuật. Ngòi bút sắc sảo của Ngô Tất Tố đặc biệt thành công trong việc khắc họa một loạt nhân vật thuộc các tầng lớp xã hội khác nhau ở nông thôn, tất cả đều rất sống, rất tiêu biểu, trong đó, có những hình tượng điển hình bất hủ. Kết cấu *Tắt đèn* chặt chẽ, tập trung ; tác phẩm hầu như không có những tình tiết, chi tiết thừa, tất cả đều gây ấn tượng và góp phần thể hiện chủ đề. Nghệ thuật miêu tả và ngôn ngữ (nhất là ngôn ngữ nhân vật) trong tác phẩm đều có những nét đặc sắc. *Tắt đèn* xứng đáng được coi là thành tựu nghệ thuật xuất sắc của nền văn xuôi trước Cách mạng.

ruongxua.vn

Tóm tắt cốt truyện

Câu chuyện diễn ra trong một vụ thuế ở một làng quê. Bọn hào lí[6] *trong làng ra sức lùng sục, tra khảo những người nông dân nghèo thiếu thuế. Gia đình anh Dậu thuộc loại nghèo nhất làng, phải chạy vạy ngược xuôi khốn khổ để có tiền nộp suất sưu*[7]*, "món nợ nhà nước". Anh Dậu đang ốm nặng vẫn bị đánh trói và cùm kẹp ở ngoài đình làng. Chị Dậu đành phải dứt ruột đem cái Tí, đứa con gái lớn lên 7 của chị, bán cho nhà lão Nghị Quế thôn Đoài. Lợi dụng tình cảnh của chị, vợ chồng lão Nghị keo kiệt, độc ác đã ép chị bán cái Tí và bán cả ổ chó mới đẻ của chị với giá hết sức rẻ mạt. Cộng với mấy hào bán gánh khoai, chị Dậu tưởng vừa đủ nộp tiền sưu cho chồng và anh được tha về ; nào ngờ, bọn hào lí lại bắt chị phải nộp cả suất sưu của người em chồng đã chết từ năm ngoái ! Anh Dậu, vì đang ốm nặng mà bị cùm trói hành hạ, đã rũ như xác chết, được khiêng trả về nhà. Sáng hôm sau, khi anh chỉ vừa mới tỉnh lại một lát thì hai tên tay sai của bọn hào lí xông vào định trói bắt mang đi nữa. Chị Dậu cố van xin thiết tha nhưng không được, đã liều mạng chống trả lại quyết liệt, quật ngã cả*

hai tên tay sai. Chị bị bắt giải lên huyện. Tên quan phủ Tư Ân lợi dụng cảnh ngộ của chị định giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã cưỡng lại dữ dội, ném cả nắm giấy bạc vào mặt hắn và chạy thoát ra ngoài... Cuối cùng, chị đành gửi con để lên tỉnh đi ở vú cho nhà lão quan phủ đang cần sữa người bổ dưỡng cho "quan cố" đã ngoài 80 tuổi... Trong một đêm "tắt đèn", lão quan phủ đã mò vào buồng chị Dậu... Chị vùng chạy thoát ra ngoài, trong lúc trời tối đen như mực.

Chú giải

(1) *Uyên bác :* (kiến thức) sâu rộng.

(2) *Thuế thân :* thuế đánh vào tất cả những người đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi ; đây là thứ thuế vô lí, dã man, còn sót lại từ thời trung cổ.

(3) *Thực trạng :* tình trạng thực, thường phải có cái nhìn sâu sắc mới thấy rõ.

(4) *Cùng đinh :* người đàn ông cùng khổ, địa vị thấp kém nhất ở thôn quê trước Cách mạng (*đinh* : người đàn ông thuộc lứa tuổi đóng thuế thân và đi lính trong xã hội cũ).

(5) *Vận hạn :* gặp điều rủi ro lớn do số phận.

(6) *Hào lí :* kẻ có chức có quyền ở làng xã thời trước.

(7) *Sưu :* thuế thân ; *suất sưu* : khoản tiền thuế thân mà mỗi người dân đinh phải nộp hàng năm.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc tiểu thuyết *Tắt đèn* em thích nhất chương nào ? Vì sao ?

2. Về *Tắt đèn*, sách giáo khoa có nhận định :

"Chọn viết về nạn thuế thân và dồn câu chuyện vào trong mấy ngày của vụ thuế ở một làng quê, tác giả đã phản ánh xã hội nông thôn đương thời một cách tập trung, điển hình nhất, làm nổi bật lên thực trạng của cái xã hội ấy". Qua tác phẩm, hãy chứng minh nhận định đó trên những nét lớn.

3. Em hãy chọn và phân tích một hình tượng nhân vật nào đó (trừ hình tượng chị Dậu) trong *Tắt đèn*, chú ý làm rõ thái độ yêu ghét sâu sắc dứt khoát và tài năng nghệ thuật sắc sảo của tác giả.

thuongmaitr

72 21119 36 Z

Bài 2

CON CÓ THƯƠNG THẦY, THƯƠNG U...(*)

(Trích tiểu thuyết *Tắt đèn*)

Tiểu dẫn

Sau khi phải nuốt nước mắt, cắn răng chấp nhận việc bán con bán chó với giá rẻ mạt cho vợ chồng Nghị Quế, chị Dậu cầm tờ văn tự đã điểm chỉ ra đình làng Đông Xá cho anh Dậu đang bị cùm ở đó kí. Rồi chị còn phải xin lí trưởng đóng triện nhận thực ; nhưng lí trưởng bảo phải có tiền ! Chị Dậu lúc ấy lấy đâu ra tiền ? Cuối cùng, lão lí trưởng đã bằng lòng đóng triện vào văn tự cho chị với điều kiện chị sẽ cấy cho lão một mẫu ruộng, tức là "đóng triện cấy trừ" !

Đoạn trích dưới đây thuộc các chương X và XI, thuật cảnh chị Dậu về nhà, nói cho cái Tí biết việc nó đã bị bán cho nhà "cụ Nghị", chỉ còn được ăn ở nhà với các em bữa cuối cùng này thôi... Đây là những giờ phút đau đớn vô hạn của người mẹ khốn khổ.

truongxua.vn

Nghe mẹ nói bán nó cho "cụ Nghị" thì cái Tí như có "tiếng sét đánh bên tai" ; nhưng rồi con bé hiếu thảo rất thương cha thương mẹ đó đã cố nén nước mắt, chia tay hai em nhỏ, lủi thủi theo mẹ sang nhà "cụ Nghị", vừa đi vừa "lướt mướt khóc"...

Thoáng thấy mẹ về đến cổng, thằng Dần mừng nhảy chân sáo(1) :

– U đi đâu từ lúc non trưa đến giờ ? Có mua được gạo hay không ? Sao u lại về không thế ?

Cái Tí ở trong bếp sa sả mắng ra :

– Đã bảo u không có tiền, lại cứ lằng nhằng nói mãi ! Mày tưởng người ta dám bán chịu cho nhà mày sao ? Thôi ! Khoai chín rồi đây, để tôi đổ ra ông xơi, ông đừng làm tội u nữa.

(*) Đầu đề các bài trích giảng tiểu thuyết *Tắt đèn* trong sách này là do người biên soạn đặt (*Chú thích* của NXB Giáo dục).

Rồi nó tất tả bồng em chạy ra trước thềm đon đả chào mẹ :

– U đã về ạ ! Ông Lí cởi trói cho thầy con chưa, hử u ? Cái nón của u làm sao bị rách tan tành thế ấy ? Tay u làm sao lại phải buộc giẻ thế kia ?

Chị Dậu không trả lời. Thơ thẩn, chị đón lấy con bé con và ngồi ghé vào bên mép chõng.

Cái Tí xoa đầu cái Tỉu kể lể bằng giọng hú hí :

– Cô ả này hôm nay quấy lắm u ạ ! U đi khỏi nhà, cô ta cứ ra rả khóc không dứt miệng. Dỗ thế nào cô ta cũng không nín cho. Đặt ngồi xuống phản, cô ta lại níu lấy con và cố đứng lên. Con vừa lẽo đẽo cắp cô ta ở sườn, lại vừa hì hục rửa khoai, tra nồi[2] xin lửa dóm bếp. Củi thì ướt chảy ướt chả ; lì lụi mãi vẫn không cháy cho. Thế mà con cũng luộc được chín nồi khoai rồi đấy ! U bảo con có ngoan không ?

Chị Dậu vẫn không nói gì. Buồn rầu chị kéo "chéo yếm"[3] cài trong dải lưng, vạch bầu vú nổi gân xanh lè, và bóp mạnh "cổ" vú, vắt những sữa chua xuống đất.

thuongmaitr

Cạnh chõng, nghi ngút một đám khói bay.

Cái Tí lễ mễ bưng rổ khoai luộc ghếch vào chân cột, và dặn thằng Dần :

– Hãy còn nóng lắm đấy nhé ! Em đừng mó vào mà bỏng thì khốn.

Vừa nói, nó vừa tung tăng chạy đến rổ bát, lục lấy hai cái to và một đôi đũa, đem lại. Bới từ trôn rổ bới lên, nó gắp những mẩu khoai to xếp đầy hai bát. Bằng cái dáng bộ vui vẻ, nhẹ nhàng, nó đặt một bát lên chõng :

– Mời u xơi khoai đi ạ !

Rồi nhanh nhảu, nó bưng một bát, bước qua tấm phản cập kênh ngửa cổ để lên bàn thờ, và quay xuống, nó bảo thằng Dần :

– Bát này chị để phần thầy đấy nhé ! Chốc nữa thầy về thầy ăn. Đứa nào ăn "vèn"[4] của thầy thì chị không cho đi chơi với chị.

Thằng bé không để tiếng nào vào tai, nó cứ ngồi sán bên cạnh rổ khoai và nuốt nước dãi ừng ực. Cái Tí lật đật chạy đi tìm cái quạt nan, để quạt cho khoai chóng nguội.

Rổ khoai vừa đi hết khói, hai đứa xúm lại, lê la ngồi phệt dưới đất, mỗi đứa nhón lấy mỗi củ, không kịp bóc vỏ, chúng nó vừa thổi phù phù vừa cắn ngấu nghiến. Giống như con cọp trong chuồng bách thú vớ miếng thịt bò tươi, đứa nào đứa ấy nhai nuốt một cách ngon lành gọn vẹn. Trừ ra khi gặp củ nào "hà nhậy"(5) đắng quá không thể nuốt được, chúng nó mới chịu nhổ đi, và khi bị củ nào nhiều xơ, dai quá không thể nhai được, chúng nó mới chịu nhả bã.

truongxua.vn

Những sự hiếu thảo, ngoan ngoãn của hai đứa trẻ ngây thơ vô tình lộ ra từ nãy đến giờ, hình như đều là những lưỡi dao găm cắt từng khúc ruột chị Dậu. Càng nhìn chúng nó, chị càng nước mắt ngắn dài.

Ngạc nhiên, cái Tí thỏ thẻ(6) giục mẹ :

– U ăn khoai đi, để lấy sữa cho em nó bú. Từ sáng đến giờ, u chưa ăn gì, đói quá chịu làm sao được ?

Các việc xong hết, chị lại đón lấy cái Tỉu, cho nó bú thêm lúc nữa. Sau khi đã kéo chiếc chiếu thủng rách trên phản trải xuống giữa nhà, chị đặt con nhỏ vào chiếu và sai thằng Dần ngồi đó trông em. Chị lục tất cả quần áo cái Tí và gói chung làm một gói. Rồi, một tay nưng rổ chó con lên đầu, một tay cầm sợi xích định dắt luôn con chó cái ra cửa, sụt sịt, chị bảo cái Tí :

– Con hãy đội cái mê nón cho đỡ nắng, và con cắp lấy gói quần áo rồi sang bên cụ Nghị Quế với u.

Chừng như lúc nãy thấy bắt cả chó lớn, chó con, cái Tí vẫn tưởng những con vật ấy sẽ đi thế mạng[8] cho mình, cho nên nó đã vững dạ[9] ngồi im. Bây giờ nghe mẹ giục nó phải đi, nó lại nhếch nhác mếu khóc :

– U nhất định bán con đấy ư ? U không cho con ở nhà nữa ừ ? Khốn nạn thân con thế này ! Trời ơi ! ... Ngày mai con chơi với ai ? Con ngủ với ai ?

Chị Dậu lã chã hai hàng nước mắt :

– U van con, u lạy con, con có thương thầy thương u, thì con cứ đi với u, đừng khóc lóc nữa, đau ruột u lắm. Công u nuôi con sáu, bảy năm trời, tốn kém bao nhiêu tiền của ! Bây giờ phải đem con đi bán, u đã chết từng khúc ruột rồi đấy, con ạ. Nhưng mà tiền sưu không có, thầy con đau ốm là thế, vẫn bị người ta đánh trói, sưng cả hai tay lên kia... Nếu không bán con, thì lấy tiền đâu nộp sưu ? Để cho thầy con khổ sở đến nước[10] nào nữa ? Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u thì con cứ đi với u !

Cái Tí vẫn khóc rưng rức. Chị Dậu cũng vừa đội rổ chó con vừa khóc nức nở, nhưng vẫn cố kiếm những lời thấm thía xót xa để khuyên con.

Lâu lâu, cái Tí chừng cũng hiểu những nỗi đau lòng của mẹ, nó không khóc nữa. Lau sạch nước mắt, nó chạy đến chỗ cái Tỉu cúi đầu tận mặt con này, nó hôn mồi má mấy cái, và nó lại mếu :

– Tỉu ở nhà nhé ! Tỉu ở nhà với anh Dần nhé ! Chị phải đi đây. Chị sang ở với cụ Nghị kia đây. Từ rày trở đi chị không được ẵm Tỉu nữa. Bao giờ Tỉu lớn, Tỉu sang bên ấy tìm chị, Tỉu nhé !

Rồi nó ôm lấy thằng Dần và cũng hôn luôn hai má thằng ấy. Vừa nói, nó vừa giàn giụa nước mắt :

– Dần có thương chị không ? Dần có nhớ chị không ? U bán chị rồi. Dần ở nhà chơi với Tỉu vậy. Nó khóc thì Dần dỗ nó, không được đánh nó đấy nhé. Bao giờ nó lớn, thì Dần rủ nó sang nhà cụ Nghị với chị. Thôi Dần ở nhà, chị phải đi với u đây, chị không được về nữa đâu, Dần ạ !

Thằng Dần níu lấy áo chị và khóc rầm rĩ :

– Chị phải ở nhà với em ! Em không cho chị sang nhà cụ Nghị. Nếu chị sang nhà cụ Nghị rồi thì em chơi với ai ?

Cái Tí khóc hu hu. Nó cứ quấn quýt thằng Dần, không muốn rời ra. Ngoảnh lại nhìn mặt chị Dậu, nó nói bằng giọng năn nỉ :

– Con nhớ em quá ! Hay là u hãy cho con ở nhà một đêm nay nữa, để con ngủ thêm với em, để con nói chuyện với em. Sáng mai con xin đi sớm.

Chị Dậu càng tỏ ra bộ đau đớn :

– Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u. Nếu con chưa đi, cụ Nghị chưa giao tiền cho, u chưa có tiền nộp sưu thì không khéo thầy con sẽ chết ở đình, chứ không sống được. Thôi, u van con, u lạy con, con có thương thầy, thương u, thì con đi ngay bây giờ cho u.

Và chị cố kiếm cho được cái giọng ngon ngọt để dỗ thằng Dần :

– Dần buông chị ra, đi con ! Dần ngoan lắm nhỉ ! U van Dần, u lạy Dần ! Dần hãy để cho chị đi với u đừng giữ chị nữa. Chị nó có đi, u mới có tiền nộp sưu, thầy Dần mới được về với Dần chứ ! Sáng ngày người ta đánh trói thầy Dần như thế, Dần có thương không. Nếu Dần không buông chị ra, chốc nữa ông Lí vào đây, ông ấy trói nốt cả u, trói nốt cả Dần nữa đấy.

Thằng Dần vẫn sợ ông Lí, như đứa trẻ khác sợ ông ngoáo ộp[11], nghe nói đến tên ông ấy nó đã mất vía[12] đi rồi. Lập tức nó rời vạt áo cái Tí và nó ỏn ẻn dặn mẹ :

– Em chỉ cho chị Tí đi một lúc thôi. Lấy được tiền rồi, u lại phải đem chị ấy về đây với em.

ruongxua.vn

Chị Dậu buột miệng :

– Ừ...

Rồi hình như có ý hối vì mình đã nói dối trẻ con, tức thì chị lại nói chữa :

– Ừ, hễ cụ Nghị bằng lòng để cho chị con về nhà vài hôm, thì u đem nó về với con.

Cái Tí với hai hàng nước mắt ròng ròng, hôn hít các em một lượt nữa, rồi lủi thủi nó đội mê[13] nón lên đầu và cắp gói áo vào nách.

Chị Dậu vừa dặn thằng Dần ngồi coi cái Tỉu, vừa cởi dây xích lôi con chó cái.

...

Mặt trời đã xế.

Bóng người ngả xuống mặt ruộng, dài thườn thượt như bóng cây cau.

Trâu bò không phải cày chiều, nghễu nghện theo đàn trẻ chăn ra các bờ ruộng gặm cỏ.

Với những tiếng thổn thức trong đáy tim và những giọt nước mắt luôn luôn đọng ở gò má, chị Dậu cố sống cố chết [14] nhưng nhẵng dẫn con chó lẽo đẽo dưới ánh nắng mùa hè. Con vẫn lướt mướt khóc, chó vẫn ý ẳng kêu, chị vẫn nhất định giả câm giả điếc mong cho chóng đến nhà cụ Nghị.

Trích các chương X, XI
(Theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm.* NXB Văn học, 1977)

Chú giải

(1) *Nhảy chân sáo :* bước như nhảy nhót, đầy vui thích.

(2) *Tra nồi :* bỏ gạo (hoặc khoai, rau...) vào nồi nấu.

(3) *Chéo yếm :* dây vải buộc yếm phụ nữ.

(4) *Vèn* (khẩu ngữ, ít dùng) : ăn phạm vào.

(5) *Hà nhậy :* những loại sâu đục trong củ khoai làm cho khoai đắng, hôi, không ăn được.

(6) *Thỏ thẻ :* nói giọng nhỏ nhẹ, dễ thương.

thuongmaitr

(7) *Khuôn gương* (cũ) : gương mặt (thường dùng nói về phụ nữ).

(8) *Thế mạng :* chết thay người khác.

(9) *Vững dạ :* cảm thấy yên tâm, không lo sợ gì vì đã có chỗ dựa nào đó trong khi đang gặp gay go.

(10) *Đến nước :* đến mức độ khó chịu đựng hơn.

(11) *Ngoáo ộp* (khẩu ngữ) : quái vật tưởng tượng, thường để dọa trẻ em.

(12) *Mất vía :* mất hết tinh thần vì quá sợ hãi.

(13) *Mê :* phần trong của nón (hoặc rổ, rá...) đã mất cả cạp ngoài.

(14) *Cố sống cố chết :* cố sức đến cùng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích sự diễn biến tâm trạng cái Tí, từ lúc hí hửng vui mừng đón mẹ về đến lúc bất ngờ biết rằng đã bị bán cho nhà giàu, rồi lại từ chỗ hoảng hốt, khóc lóc, van xin... đến chỗ "hiểu những nỗi đau lòng của mẹ", cắn răng chấp nhận, cố nén đau chia tay các em và lẽo đẽo đi theo mẹ đến nhà Nghị Quế. Qua đó, em có nhận xét gì về số phận cay đắng của cái Tí ? Và nhận xét gì về những phẩm chất cao đẹp của nó ?

truongxua.vn

2. Phân tích tâm trạng giằng xé đau đớn của chị Dậu được thể hiện một cách chân thực, cảm động trong đoạn văn.

3. Phân tích thành công đặc sắc của Ngô Tất Tố trong việc tạo dựng một tình huống truyện hấp dẫn, góp phần thể hiện chủ đề.

760010
760119

Bài 3

TỨC NƯỚC VỠ BỜ

(Trích tiểu thuyết *Tắt đèn*)

Tiểu dẫn

Sau khi cầm được món tiền bán con bán chó ở nhà Nghị Quế, chị Dậu tưởng rằng sẽ nộp xong "món nợ nhà nước", anh Dậu sẽ được tha về. Nào ngờ, bọn hào lí cho biết chị còn phải nộp suất sưu của "chú Hợi" (em ruột anh Dậu) đã chết từ năm ngoái ! Và tên thư kí

dõng dạc cắt nghĩa : "Chết cũng không trốn được sưu nhà nước ! (...) Nó chết tháng giêng, chứ dẫu nó chết tháng chạp cũng vậy, bài chỉ[1] làm rồi, người ta không có chữa lại bao giờ, "khai tử"[2] hay chẳng "khai tử" mặc kệ ! (...) Nó chết, vợ con chưa có, ông Lí phải cứ lấy vào thân nhân[3], chồng chị không nộp cho nó thì ai nộp ?". Mặc cho chị tha thiết van xin chúng cho khất một hôm nữa và để cho anh Dậu được về nhà kẻo bị trói cả ngày trong lúc ốm nặng thì chết mất, chúng vẫn trừng trộ dậm dọa, không tha cho anh...

Quả nhiên đêm ấy, anh Dậu đã ngất xỉu đi như chết. Người ta vác anh rũ rượi như cái xác đem về trả cho chị Dậu. Chị hoảng hốt lay gọi chồng và tìm mọi cách cứu anh. Hàng xóm cũng đổ đến giúp chị. Cuối cùng, anh Dậu dần tỉnh lại. Bà lão láng giềng đem đến cho chị bát gạo, bảo chị đem nấu cháo. Bên ngoài, tiếng trống, tù và[4] báo hiệu quan sắp về làng đốc thuế. Chị Dậu muốn cho chồng được húp ngụm cháo đã rồi mới tính đến việc đưa anh đi trốn. Nhưng nào có được !...

Cháo chín, chị Dậu bắc mang ra giữa nhà, ngả mâm bát múc ra la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội.

Tiếng trống và tiếng tù và đã thủng thẳng đua nhau từ phía đầu làng đến đình.

thuongmaitr

Tiếng chó sủa vang các xóm.

Bà lão láng giềng lại lật đật chạy sang :

– Bác trai đã khá rồi chứ ?

– Cảm ơn cụ, nhà cháu đã tỉnh táo như thường. Nhưng xem ý hãy còn lề bề lệt bệt[5] chừng như vẫn mỏi mệt lắm.

– Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ cứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lại phải một trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.

– Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp cái đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua đến giờ còn gì.

– Thế thì phải giục anh ấy ăn mau mau đi, kẻo nữa người ta sắp sửa kéo vào rồi đấy !

Rồi bà lão lại lật đật trở về với vẻ mặt băn khoăn.

Cháo đã hơi nguội.

Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp xoàn xoạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm :

– Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột.

Rồi chị đón lấy cái Tỉu và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng chị ăn có ngon miệng hay không.

Anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng. Uể oải, chống tay xuống phản, anh vừa rên vừa ngỏng đầu lên. Run rẩy cất bát cháo, anh mới kề vào đến miệng, cai lệ[6] và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước[7] và dây thừng.

Gõ đầu roi xuống đất, cai lệ thét bằng giọng khàn khàn của người hút nhiều xái[8] cũ :

– Thằng kia ! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à ? Nộp tiền sưu ! Mau !

Hoảng quá, anh Dậu vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Người nhà lí trưởng cười một cách mỉa mai :

ruongxua.vn

– Anh ta lại sắp phải gió[9] như đêm qua đấy !

Rồi hắn chỉ luôn vào mặt chị Dậu :

– Chị khất tiền sưu đến chiều mai phải không ? Đấy ! Chị hãy nói với ông cai, để ông ấy ra đình kêu với quan cho ! Chứ ông Lí tôi thì không có quyền dám cho chị khất một giờ nào nữa !

Chị Dậu run run :

– Nhà cháu đã túng, lại phải đóng cả suất sưu của chú nó nữa, nên mới lôi thôi như thế. Chứ cháu có dám bỏ bễ[10] tiền sưu của nhà nước đâu ? Hai ông làm phúc nói với ông Lí hãy cho cháu khất ...

Cai lệ không để cho chị được nói hết câu, trợn ngược hai mắt, hắn quát :

– Mày định nói cho cha mày nghe đấy à ? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khất !

Chị Dậu vẫn cố thiết tha :

* * *

– Khốn nạn ! Nhà cháu đã không có, dẫu ông chửi mắng cũng đến thế thôi. Xin ông trông lại !

Cai lệ vẫn giọng hầm hè :

– Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à !

Rồi hắn quay ra bảo anh người nhà lí trưởng :

– Không hơi đâu mà nói với nó, trói cổ thằng chồng nó lại, điệu ra đình kia.

Người nhà lí trưởng hình như không dám hành hạ một người ốm nặng, sợ hoặc xảy ra sự gì, hắn cứ lóng ngóng ngơ ngác, muốn nói mà không dám nói. Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu.

Chị Dậu xám mặt, vội vàng đặt con bé xuống đất, chạy đến đỡ lấy tay hắn :

– Cháu van ông, nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho !

thuongmaitr

– Tha này ! Tha này !

Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

Hình như tức quá không thể chịu được, chị Dậu liều mạng cự lại :

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ !

Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

Chị Dậu nghiến hai hàm răng :

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem !

Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Sức lẻo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền[11], hắn ngã chỏng quèo[12] trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

Người nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh chị Dậu. Nhanh như cắt, chị Dậu nắm ngay được gậy của hắn. Hai

người giằng co nhau, đu đẩy nhau, rồi ai nấy đều buông gậy ra, áp vào vật nhau. Hai đứa trẻ con kêu khóc om xòm. Kết cục, anh chàng "hầu cận[13] ông lí" yếu hơn chị chàng con mọn, hắn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Anh Dậu sợ quá muốn dậy can vợ, nhưng mệt lắm ngồi lên lại nằm xuống, vừa run vừa kêu :

– U nó không được thế ! Người ta đánh mình không sao, mình đánh người ta thì mình phải tù phải tội.

Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận :

– Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội [14] mãi thế, tôi không chịu được ...

Người nhà lí trưởng hết cơn lạng cá[15]. Lóp ngóp bò dậy hắn chỉ vừa thở vừa chửi chị Dậu, không dám động đến thân thể chị nữa. Chị Dậu lại đón cái Tỉu vào lòng, và cũng xa xả chửi già.

Anh Dậu không biết làm thế nào mà can đôi bên, chỉ nằm mắng vợ và xin lỗi ông ... người nhà lí trưởng.

truongxua.vn

Một hồi hiệu ốc[16] rúc từ ngoài đình rúc vào. Mấy bác tuần phu gậy tầy mã thò theo chân lí trưởng, cai lệ kéo đến. Thì ra trong lúc chị Dậu và anh người nhà lí trưởng vật nhau, cai lệ đã chạy thoát ra đình báo với lí trưởng, lí trưởng liền đem tuần phu[17] vào bắt vợ chồng chị Dậu. Họ đã giằng giải ra đình hầu quan tất cả tiếng rên của người ốm, tiếng khóc của hai đứa trẻ con, và tội án của người đàn bà táo bạo.

Trích chương XVIII
(Theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm.* Sđd)

Chú giải

(1) *Bài chỉ :* giấy kê khai tiền thuế của mỗi làng ; còn có nghĩa là giấy chứng nhận cho người đã nộp sưu.

(2) *Khai tử :* khai báo chứng nhận người mới chết.

(3) *Thân nhân :* người nhà.

(4) *Tù và :* dụng cụ bằng sừng trâu hoặc vỏ ốc lớn, dùng hơi để thổi thành tiếng kêu vang xa, thường dùng để báo hiệu ở nông thôn.

(5) *Lễ bễ lệt bệt :* tỏ ra đuối sức, vận động rất chậm chạp, khó khăn.

Ông Nghị, bà Nghị mỗi người nhúng ba ngón tay vào chậu vuốt qua hai mép một lượt, rồi cùng uống nước, xỉa răng. Hai đứa đầy tớ đứng hai bên cầm quạt phẩy lại. Bà Nghị mở cái tráp tròn lấy trầu và cau nhai với một sợi thuốc. Ông Nghị nhấc cái điếu ống[1] để trên trốc tủ, giật thuốc, châm lửa, vít cái xe trúc vào miệng. Bắt chân chữ "ngũ" ông vểnh mặt hút sòng sọc một hơi :

– Con mẹ kia ! Bán con bán cái thế nào ? Vào mà nói chuyện với bà !

Rón rén, chị Dậu đứng nép vào cửa và ngập ngừng :

– Thưa lạy hai cụ, nhà con túng quá, xin hai cụ cứu giúp chúng con.

Bà Nghị nhả miếng bã trầu cầm tay, quai thật dài cặp môi cấn chỉ[2] :

– Chẳng cứu với vớt gì cả ! Mày có bán đứa con gái tao mua !

– Xin vâng !

– Sáng ngày chồng mày nói rằng con bé ấy đã lên bảy tuổi, xin lấy ba đồng. Cụ ông tưởng nó nói thật, bằng lòng cho hai đồng. Nhưng giờ nghe nói con mày mới có sáu tuổi, thì tao chiết đi một nửa, chỉ cho một đồng thôi. Thuận bán thì về đưa nhau sang đây !

Chị Dậu ngơ ngác :

– Thưa cụ, thật quả cháu đã lên bảy, nó đẻ tháng giêng năm Tí. Chúng con không dám nói dối cửa cụ !

– Tao không thể tin cái miệng vợ chồng nhà mày ! Người ta mách tao là nó lên sáu. Chứ tao biết đâu nó đẻ năm Tí hay đẻ năm tị năm tì ! ...

Chị Dậu đờ mặt, không biết nói sao. Bà Nghị tiếp :

– Vì cái Hai bên kia...

Ông Nghị cau mặt ngắt lời :

– Sao bà cứ gọi bằng lối xách mé như vậy ? Tôi đã dặn bà phải gọi nó là mợ. .. Bây giờ ở nhà các quan, con gái đều được

thuongmaitr

kêu gọi là mợ tất cả. Tôi nhèm ra cũng là một ông nghị viên[3], có lúc ngồi với quan sứ[4], quan thượng[5], danh giá không kém gì một ông quan. Bà có gọi con gái bà là mợ, cũng không quá lạm kia mà !

Bà Nghị cười ngặt, cười nghẹo :

– Thế thì ông cũng lẩm rồi ! Con dâu kia... Người ta mới gọi là mợ ; con gái thì người ta đều gọi là cô. Chẳng cứ gì nhà các quan, tôi thấy những nhà ông kí, ông phán, những nhà buôn bán ở Hà Nội đều như thế cả.

– Miễn là đừng gọi chúng nó bằng cái kiểu tục tằn của những nhà bố cu, bố đĩ... Mợ thì mợ, cô thì cô...

Bà Nghị ra bộ đắc ý :

– Vâng, thì cô ! ... Cô Hai bên kia hiếm hoi, mấy lần xem bói, thầy bói đều bảo cô ấy phải nuôi con nuôi thì mới đứng số[6]. Bởi thế, tao muốn mua cho cô ấy một đứa, để nó "gánh vác đỡ đi"[7]. Chứ nhà tao thiếu gì người hầu hạ ? Vả lại, con bé mới lên sáu tuổi, đã làm được công trạng gì mà tao phải chuốc ? Huống chi nó sang ở với cô ấy, cơm no áo lành, lại không sung sướng gấp trăm gấp nghìn ở nhà với vợ chồng mày hay sao ? Đáng lẽ biếu không thì phải... Cho một đồng cũng quá lắm rồi... Không phải nài nẫm gì nữa !

Chị Dậu ngồi đờ như gỗ, không biết trả lời ra sao.

... Bà Nghị chỉ tay quát thằng nhỏ lấy nước. Bà uống một hớp dấp giọng rồi hỏi chị Dậu :

– Thế nào, mày nghĩ tao nói có phải không ?

Chị Dậu rơm rớm nước mắt :

– Vâng, thưa hai cụ, con cũng biết rằng được sang đó nương nhờ các cụ và cô Hai, thật là phúc cho nó lắm. Nhưng vì, nhà con thiếu hơn hai đồng tiền sưu, mới phải đến kêu cửa cụ. Nếu cụ chỉ cho một đồng, thì còn hơn một đồng nữa, chúng con không biết chạy vào đâu được. Vậy xin hai cụ gión tay làm phúc[8].

Ông Nghị quát :

– Thiếu bao nhiêu mặc kệ mày, kể lể gì ? Mày định bố[9] vào nhà tao đấy à ?

Chị Dậu thèn lẹn[10], nâng dải yếm sẽ chùi vào mắt.

Bà Nghị yên ủi :

– Thiếu một đồng nữa, thì xem trong nhà còn cái gì đáng tiền, đem mà bán nốt đi vậy ! Chứ đứa con gái sáu tuổi, bây giờ cho không cũng không đắt thay, ai động rồ[11] mà trả mày hơn...

– Thưa lạy hai cụ, thật quả nhà con không còn cái gì đáng giá hai hào.

Bà Nghị cười nhạt :

– Sao bảo nhà mày có con chó cái khôn lắm ?

– À ! Thưa cụ có ! Nhưng nó mới đẻ, con nó hãy còn non lắm, có bán không ai mua ; nếu có người mua cho, chúng con đã không phải bán con cháu !

– Nó đẻ mấy con ? Con nó đã mở mắt chưa ?

– Bẩm, bốn con. Nó biết ăn cơm đã hai hôm nay... Hay là xin cụ đỡ con hai đồng, lờ lãi thế nào con cũng xin vâng. Chỉ độ hai phiên chợ nữa, mấy con chó ấy cứng cát, bán được, thì con lại xin nộp cụ.

Bà Nghị bĩu môi :

– Tiền tao có phải vỏ hến mà tao quẳng cho mày bây giờ ? Dễ tao hám lãi của mày lắm đấy ? Thôi, thế này : chó con tao cũng mua vậy. Bắt cả con chó cái và đàn chó con sang đây, tao trả cho một đồng nữa, với con bé kia một đồng là hai... Thế là nhà mày đủ tiền nộp sưu, lại khỏi nuôi chó, khỏi nuôi con. Sướng nhé !

Rồi bà Nghị vui vẻ nhìn mặt ông Nghị :

– Ấy tôi cứ hay thương người thế đấy ! ... Người khác thì họ mặc kệ, ai hơi đâu ? Kêu lắm chỉ bã bọt mép.

Chị Dậu lại chứa chan nước mắt. Buồn rầu, chị sẽ ngồi xuống bậc cửa và nói chầu lên :

thuongmaitr

– Vâng ! Con cũng biết cụ có lòng thương nhà con mới thế. Chứ đàn chó vừa mới mở mắt, ai mua làm gì ?... Nhưng, thưa cụ, giá chó bây giờ cũng không rẻ lắm, một con chó cái, con đem ra bán ít nhất cũng được đồng rưỡi. Còn bốn con chó con, nếu nuôi thêm vài phiên chợ nữa, thế nào cũng được năm hào một con. Vậy là tất cả đến ba đồng rưỡi, cụ cho một đồng thì thiệt con quá. Xin cụ trông lại !

Ông Nghị đập tay xuống sập :

– Đem ngay đi chợ mà bán ! Không nói lôi thôi ! Mất thì giờ ! Thời Tây bây giờ, thì giờ là vàng bạc, không ai công đâu mặc cả với mày... Hừ ! Vừa mới ngoen ngoẻn nói rằng "bán không ai mua", người ta làm phúc mua cho, lại còn nhằng nhằng kêu rẻ ! Rẻ thì đem ngay ra chợ mà bán. Ra ngay !

Chị Dậu nhổm đít toan đứng dậy. Bà Nghị thề thọt[12] :

– Chúng bay cứ cái thói ấy, không trách chẳng ai buồn thương, khổ là đáng kiếp. Trong lúc thuế má ngặt ngòi, đồng bạc cho vay, lãi ngày năm xu, người ta đã phải bỏ ra mà mua đàn chó mới mở mắt, thế là người ta làm ơn cho mày. Mày tưởng người ta không thể mua được chó đấy chắc ? Hay là chó của mày bằng vàng ? Thôi, cho thêm hào nữa, thế là vừa con, vừa chó cả thảy được hai đồng mốt. Bằng lòng không ?

uongxua.vn

Chị Dậu lại tần ngần ngồi xuống :

– Bẩm cụ, một vài hào ở cụ chẳng thấm vào đâu, nhưng, ở con thì nó lớn lắm. Xin cụ cho con lấy năm hào nữa vậy.

Bà Nghị ra bộ dễ dãi :

– Con mẹ này cũng ghê gớm lắm ! Thấy bở thì đào mãi ! Ừ thì tao cũng trả thêm cho một hào. Là hai đồng hai. Bằng lòng thì lên nói với ông giáo làm văn tự[13] cho. Và phải trả ông ấy hai hào giấy mực. Nghe không !

Chị Dậu thất vọng :

– Thế thì con chỉ được hai đồng đem về...

Ông Nghị lại cáu :

– Chứ bao nhiêu nữa ? Hai chục nữa nhé ! Thôi, cho thế cũng đắt lắm rồi. Bán thì đi làm văn tự. Không bán thì về. Về thẳng !

"Về thì đâm đầu vào đâu ? Để chồng bị trói đến bao giờ nữa ?... Thôi, trời đã bắt tội, cũng đành nhắm mắt liều...". Bên tai chị Dậu văng vẳng có tiếng như vậy. Nước mắt ứa ra, chị lại đứng dậy với bộ mặt não nùng :

– Vâng con xin bán hầu hai cụ. Nhờ các cụ cho bảo ông giáo làm giấy giúp con... !

Trích các chương V, VI
(Theo *Ngô Tất Tố – Tác phẩm*. Sđd)

Chú giải

(1) *Điếu ống :* loại điếu hút thuốc lào hình trụ, có xe điếu bằng trúc mềm có thể vít cong, trông khá sang trọng, dùng trong các nhà giàu.

(2) *Môi cắn chỉ :* môi phụ nữ ăn trầu có nét ngấn thanh dài như sợi chỉ ở vành môi.

(3) *Nghị viên :* người được bầu vào Nghị viện, ở đây là Viện dân biểu Bắc Kì, một tổ chức do bọn thực dân bày đặt ra để có vẻ dân chủ.

(4) *Quan sứ :* quan Công sứ, là viên quan cai trị người Pháp đứng đầu bộ máy chính quyền thực dân một tỉnh.

(5) *Quan thượng :* cách gọi kính trọng một quan lại cao cấp người Việt Nam, thường là Tổng đốc, Thượng thư.

(6) *Đứng số :* số phận ổn định, hết long đong vất vả.

(7) *"Gánh vác đỡ đi" : gánh vác* là đảm nhận một việc khó khăn, nặng nề ; ở đây, mụ Nghị Quế nói mua cái Tí để nó "gánh vác đỡ đi" là có nghĩa riêng. Nhà văn Nguyễn Tuân đã giải thích : "*Con mẹ địa chủ Quế mê tín dều giả ấy đã gạ mua con chị Dậu cho con gái hắn vốn hiếm hoi, "phải nuôi con nuôi thì mới đứng số", "tao muốn mua cho cô ấy một đứa để nó "gánh vác đỡ đi", nghĩa là cái Tí sẽ ốm thay, chết thay, thế mạng cho cháu con nhà địa chủ*" (*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập II, NXB Văn học, H. 1983).

(8) *Gión tay làm phúc : gión (nhón), gión tay* là lấy vật nhỏ, vụn bằng cách chụm mấy đầu ngón tay cầm lên ; *gión (nhón) tay làm phúc :* làm điều tốt, phúc đức, giúp người khác mà chỉ cần chút ít công sức không đáng kể.

(9) *Bổ :* chia phần để bắt đóng góp cho đủ số.

(10) *Thèn lẹn* (khẩu ngữ) : thẹn thùng, bẽ bàng.

(11) *Động rồ :* lên cơn điên dại.

(12) *Thê thọt* : cách nói nhỏ nhẹ, thong thả để dụ dỗ, thuyết phục.

(13) *Văn tự* : giấy tờ hai bên mua bán thỏa thuận cùng kí kết.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Cuộc mua bán diễn ra có bình thường không ? Bên mua và bên bán có bình đẳng để trao đổi, mặc cả một cách công bằng không ? Hãy phân tích tình thế cùng đường của chị Dậu lúc này.

2. Vợ chồng Nghị Quế đã giở những thủ đoạn gì để bắt ép chị Dậu phải bán rẻ cái Tí và bán rẻ ổ chó cho chúng ? Những nét giống nhau và khác nhau giữa lão Nghị Quế và mụ vợ của lão qua cảnh mua bán ? Qua cuộc mặc cả mua bán, em thấy bản chất bọn địa chủ và thái độ của chúng đối với người nông dân lao động nghèo khổ như thế nào ?

3. Nhận xét bút pháp nghệ thuật đặc sắc của Ngô Tất Tố trong đoạn văn, qua việc dựng người, dựng cảnh, nhất là qua ngôn ngữ nhân vật.

uongxua.vn

Bài 4

ĐỒNG HÀO CÓ MA

NGUYỄN CÔNG HOAN

Tiểu dẫn

Nguyễn Công Hoan (1903 – 1977) quê ở làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Trước Cách mạng, ông dạy tiểu học và viết văn. Nguyễn Công Hoan viết cả truyện ngắn, truyện dài, song có sở trường đặc biệt về truyện ngắn trào phúng. Ông là một trong những nhà văn tiêu biểu nhất của trào lưu văn học hiện thực tiến bộ đương thời. Sau Cách mạng, ông tiếp tục sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến. Khi Hội nhà văn Việt Nam thành lập (1957), ông được bầu làm Chủ tịch Ban chấp hành của Hội.

Tác phẩm chính :

Trước Cách mạng : các tập truyện ngắn *Kép Tư Bền* (1935), *Hai thằng khốn nạn* (1937), *Đào kép mới* (1937), *Sóng vũ môn* (1938),

Người vợ lẽ bạn tôi (1939), *Ông chủ báo* (1940)... ; các tiểu thuyết : *Tắt lửa lòng* (1933), *Lá ngọc cành vàng* (1934), *Ông chủ* (1935), *Bước đường cùng* (1938), *Cái thủ lợn* (1939), *Thanh đạm* (1943)...

Sau Cách mạng : *Nông dân với địa chủ* (tập truyện ngắn, 1955), *Tranh tối tranh sáng* (tiểu thuyết, 1956), *Đống rác cũ* (tiểu thuyết, 2 tập, tập 1 : 1963), *Đời viết văn của tôi* (hồi kí, 1971), *Con trai người bạn đọc ấy* (tiểu thuyết, 1976).

Tôi cực lực công kích sách vệ sinh đã dạy ta ăn uống phải sạch sẽ, nếu ta muốn được khỏe mạnh, béo tốt. Thuyết ấy sai. Trăm lần sai ! Nghìn lần sai ! Vì tôi thấy sự thực, ở đời này bao nhiêu những anh béo, khỏe, đều là những anh thích ăn bẩn cả.

Thì đấy, các ngài hãy cứ nhìn ông huyện Hinh, hẳn các ngài phải chịu ngay rằng, tôi không nói đùa.

Chà ! Chà ! Béo ơi là béo ! Béo đến nỗi có thằng dân nào vô ý, buột mồm ra nói một câu sáo[1] rằng : "Nhờ bóng[2] quan lớn", là tưởng ngay nó nói xỏ ông. Tức thì, mặt bàn là một, mặt nó là hai, bị vả đôm đốp. Mà rồi thằng khốn nạn ấy, ông truy cho đến kì cùng, không còn có thể làm ăn mở mày mở mặt ra được. Bởi vì ông có sẵn trong tay hàng mớ pháp luật, thì ông ngại gì không khép thằng bảo quan béo vào tội "làm rối cuộc trị an". Thế là việc công, việc tư, ông đều được trọn vẹn. Vì không những ông được hả giận, lại còn được tiếng mẫn cán[3] là khác nữa.

Nhưng có sao từ ngày xuất chính[4] tới nay, hai mươi năm trời rồi, ông vẫn còn lẹt đẹt[5] tri huyện[6] mãi. Cái đó không quan hệ[7]. Các bạn học cùng ông, họ đều thăng đường quan[8] cả, vẫn thường phàn nàn hoạn lộ[9] quá chậm chạp của ông. Trước mặt họ, nghe câu nói thành thực ấy, ông chắp tay, cúi đầu, làm ra vẻ buồn rầu. Nhưng lúc quay lưng đi, ông bĩu môi, chửi thầm một câu, bụng bảo dạ :

– Làm bố chánh[10] có vận xỉ[11] ra mà ăn !

Lí lịch của ông huyện Hinh cũng xấu thật. Bởi vì ngồi[12] huyện nào ông cũng bị dân kiện. Mà quan trên xét ra ông lại trễ nải[13] việc quan. Đời làm quan của ông chỉ có hai việc chính : đánh bạc và chơi gái.

Năm nay, ông đã ngoài tứ tuần. Ông vẫn lấy cái tuổi của ông để lên mặt tiền bối[14], khinh thường những ông huyện trẻ khác, nếu tụi này dám chỉ coi ông là bậc ngang hàng, ông liền khoe thằng Cả nhà ông dễ đã hai mươi nhăm, rồi ông cặp ngón tay trỏ và ngón tay cái với nhau, vê vê trên mép. Trên mép ông, ông đã bao công trình mới cấy được từng ấy râu. Ông để râu cho khác hẳn với tụi huyện trẻ nhãi. Nguyên là cái da mặt ông nhỏ, mà có lẽ vì ông béo quá, nên lỗ chân lông căng ra, căng thẳng quá, đến nỗi râu không có chỗ nào lách ra ngoài được. Đến nỗi năm bốn mươi tuổi, mà mặt ông cứ nhẵn thín như thường. Ông bực mình, bèn ra lệnh cấm thợ cạo hạ lưỡi dao lên môi ông một dạo, để ông nuôi râu. Thì sau hết, những lông tơ nó cũng dài ra, và trông rõ hơn. Và đến bây giờ, đứng ở hai bên miệng ông, nó thành hình cái dấu chua nghĩa[15].

Buổi hầu sáng hôm ấy.

Con mẹ Nuôi, tay cầm lá đơn, đứng ở sân công đường[16]. Nó hớt hơ hớt hải qua cổng chòi, rồi sợ sệt bỡ ngỡ, không biết quan ngồi ở buồng nào. Bỗng một người mặc áo cánh nái[17] nhuộm vỏ già chạy xồng xộc đến trước mặt nó và hỏi :

tuoingxua.vn

– Đi đâu ?

Con mẹ biết ngay rằng đó là cậu lính lệ[18]. Và như hiểu rõ phép vào quan, nó giúi đưa cậu lệ hai hào đã cầm sẵn ở trong tay, rồi nói nhỏ :

– Nhờ cậu bẩm quan cho tôi vào hầu.

Cậu lệ tuy đã cầm tiền, nhưng làm như ta không để ý đến việc nhỏ nhen ấy, bèn thò tay, vừa nói to :

– Đưa xem đơn việc gì ?

Rồi trong khi nhà Nuôi kể lể, thì cậu lệ đánh vần để đọc lá đơn. Đoạn cậu lắc đầu, nhăn mặt bảo :

– Vào kia nhờ bác nho[19] Quý bác ấy làm hộ cho. Đơn này không được.

Con mẹ tái mặt hỏi :

– Không được thế nào, thưa cậu ?

Cậu lệ giơ hai tay ra giảng :

– Nghĩa là nếu nhà chị muốn việc chóng xong, nghe chưa ?

– Thưa cậu, cậu cứ vào trình quan hộ. Chả nói giấu gì cậu, nhà tôi bị mất trộm hết sạch cả đồ đạc lẫn tiền nong. Sáng nay, vay mãi mới được đồng hai bạc, để đi trình quan, cậu làm ơn thương hộ cho.

Cậu lệ nhìn nét mặt nằn nì của nhà Nuôi, song vẫn thản nhiên :

– Tôi bảo nhà chị không nghe thì tôi mặc kệ. Tôi thấy nhà chị ăn mặc thế này, lại bị lúc vận đen đủi[20], tôi lại chẳng động lòng[21] hay sao ? Nhưng ở đây, cái lệ nó như thế. Tôi tử tế nên bảo trước. Nếu nhà chị không theo, thì quan quở, chớ có trách tôi đấy.

Muốn chứng thực lời nói của mình, mẹ Nuôi cởi nút dải yếm ra, rồi xỉa năm đồng hào đôi[22] còn lại lên gan bàn tay và nói :

– Đây này, chẳng tin, cậu đếm mà xem, chỉ còn vừa vặn tiền trình thôi.

Cậu lệ lắc đầu. Con mẹ vừa buộc lại tiền, vừa nhăn nhó van lơn :

– Lạy cậu, thương cháu, cho cháu được nhờ. Cậu cứ vào bẩm quan hộ. Hễ quan bắt làm lại đơn, thì cháu xin ra nhờ bác nho Quý ngay.

Bỗng một tiếng chuông gọi. Cậu lệ dạ giật một tiếng, rồi ù té chạy. Con mẹ Nuôi nhìn theo, biết rằng buồng quan ngồi ở chỗ ấy. Nó đánh liều tiến đến, vừa tiến, vừa lo. Nó bước chân lên thềm, trống ngực bắt đầu nổi mạnh. Nó đã trông thấy ông quan. Nó lại sợ nữa. Vì lo sợ quá, nên quên đứt rằng chính nó đi trình việc mất trộm. Nó lại tưởng như nó là đứa ăn trộm vậy. Nó rón rén, đứng nép vào cạnh cửa, thập thò, ghé vào trong, và lắng tai nghe. Nó thấy quan đang dặn cậu lệ xuống bảo nhà bếp ninh cho thật dừ cái chân giò.

Và đến khi cậu lệ dạ tiếng cuối cùng và đi vào sân sau, mé cửa trong, thì nó hiểu ngay rằng đã mất toi hai hào cho thằng xỏ lá[23] nó chẳng bẩm cho mình một tiếng nào.

thuongmaitr

Bổng hai con gà tây béo xù quàng quạc kêu ở sân trước. Nó thót giật nảy mình. Quan đang ngồi, choàng một cái, ngài đứng dậy, chạy vội ra hiên, đứng ngay cạnh nhà Nuôi, và vội vàng :

– Có đứa nào đấy, lùa hai con gà vào cho tao !

Tức thì người ta chạy tán loạn để xua gà, và nhà Nuôi chấp hai tay, quỳ ngay xuống gạch, và nâng ngang đầu cái lá đơn.

Khi đôi gà đã chạy về, quan bèn nhìn con mẹ, và bảo :

– Vào đây.

Nó mừng quá, lóp ngóp đứng dậy, vội vã theo vào trong buồng giấy[24].

Nó đứng ở cạnh bàn, run lên bần bật. Nó liếc nhìn quan. Ngài oai vệ[25] quá. Nó lại sợ hơn nữa. Nhưng dù run hay sợ, nó cũng không quên được việc vi thiềng[26] quan.

Nhưng tiền trình diện[27] quan, nó lại buộc vào trong dải yếm. Nó phải cởi ra, mới lấy được. Nó mới lúi húi rút cái nút buộc ra. Nó sợ quan chờ lâu, nên phải vội vàng. Mà vì vội vàng, lại lo quan gắt, nên nó lóng cóng. Cái nút vừa xổ ra, thì loẻng xoẻng, cả món tiền rơi tiệt cả xuống gạch.

Năm đồng hào đôi nảy lên mấy cái, và từng ấy tiếng kêu làm nó giật mình. Tự nhiên, nó choáng cả người và hoa cả mắt. Nó cúi nhìn chỗ nhiều hào rơi nhất, ngay bên cạnh nó. Đồng thì chui nằm ẹp gần chân nó, đồng thì xoay tít mấy vòng, đồng thì bắn ra góc buồng. Mấy đồng nữa thì thi nhau lăn ra tận chỗ xa.

Nó không thấy quan nói gì, nên cũng hơi tỉnh tâm[28]. Nó bèn cúi ngồi xuống để nhặt tiền. Một đồng, hai đồng. Đồng thứ ba nghiêng ở mé tường. Nó tìm đồng thứ tư. Mãi nó mới thấy ở tận gần chân bàn giấy của quan. Nó tìm đồng thứ năm. Quái, nó tìm mãi, mà không thấy đâu cả.

Nó phải có năm hào đôi. Năm hào đôi mới thành đồng bạc được. Vừa ban nãy, nó giở ra cho cậu lệ xem, và lại buộc cẩn thận vào dải yếm. Không lẽ đồng hào ấy có ma, đã biến đi đâu mất chóng thế được. Vậy chỉ quanh quẩn ở trong buồng này mà

thôi. Nhưng nó đã tìm kĩ lắm rồi. Mà trình đơn tám hào, tất nó bị quan chửi. Không biết làm thế nào được, nó tần ngần, chắp hai tay, vái :

- Lạy quan lớn ạ.

Rồi nó lùi lũi bước ra cửa. Rồi nó đi về... Ông huyện Hinh cứ ngồi yên sau bàn giấy để nhìn theo con mẹ khốn nạn[29]. Rồi khi thấy nó đi đã khuất, ông mới đưa mắt xuống chân, dịch chiếc giày ra một tí. Và vẫn tự nhiên như không, ông cúi xuống, thò tay, nhặt đồng hào đôi sáng loáng, thổi những hạt cát nhỏ ở đế giày bám vào, rồi bỏ tọt vào túi.

12 - 1937

(Theo *Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, Tập 1
NXB Văn học, 1983)

Chú giải

(1) *Câu sáo :* câu nói theo khuôn mẫu có sẵn, nghe kêu mà rỗng, không chân thật.

(2) *Nhờ bóng :* nhờ cái bóng người có thế lực, ý nói mong được che chở.

(3) *Mẫn cán :* siêng năng, tích cực và được việc.

(4) *Xuất chính* (cũ) : ra làm quan.

(5) *Lẹt đẹt :* chậm chạp, không tiến nhanh lên được.

(6) *Tri huyện :* quan đứng đầu một huyện.

(7) *Quan hệ :* ở đây có nghĩa là quan trọng, hệ trọng.

(8) *Đường quan :* quan hạng tri phủ (đứng đầu một phủ) trở lên, khác với *thuộc quan* (cỡ tri huyện) ; *thăng đường quan :* thăng chức tri phủ (phủ lớn hơn huyện) trở lên.

(9) *Hoạn lộ :* con đường làm quan.

(10) *Bố chánh :* chức quan tỉnh thời nhà Nguyễn, đứng dưới tổng đốc (hoặc tuần phủ), phụ trách thuế khóa, tài chính.

(11) *Vặn xỉ* (khẩu ngữ) : vặn răng.

(12) *Ngồi :* ở đây có nghĩa là ở tương đối lâu một nơi để làm việc.

(13) *Trễ nải :* không cố gắng, lơ là, khiến công việc chậm trễ.

(14) *Tiền bối :* người thuộc lớp trước, đáng kính.

(15) *Dấu chua nghĩa :* dấu ngoặc đơn.

(16) *Công đường :* nhà làm việc của quan lại.

(17) *Áo cánh nái :* áo ngắn bằng nái (loại tơ tằm sợi thô).

(18) *Lính lệ :* lính chuyên hầu hạ chốn quan nha.

(19) *Bác nho :* ở đây là người biết chữ Nho, giúp việc giấy tờ cho các viên chức ở phủ huyện.

(20) *Vận đen đủi :* sự không may, rủi ro được định trước một cách huyền bí.

(21) *Động lòng :* cảm thấy thương xót hoặc chạm tự ái.

(22) *Đồng hào đôi :* đồng hai hào bằng kim loại.

(23) *Xỏ lá :* tính xỏ xiên, lường gạt.

(24) *Buồng giấy :* văn phòng, phòng làm việc giấy tờ nơi công sở.

(25) *Oai vệ :* có dáng vẻ oai.

(26) *Vi thiềng* (khẩu ngữ, nói chệch từ *vi thành*) : nghĩa đen là lòng thành của kẻ hèn mọn, được dùng chỉ món lễ vật đem đến biếu bậc trên.

(27) *Trình diện :* đến để chứng tỏ có mặt.

(28) *Tĩnh tâm :* tâm trạng bình tĩnh.

(29) *Khốn nạn :* ở đây có nghĩa là khốn khổ, thảm hại, đáng thương.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích hình tượng nhân vật ông huyện Hinh. Việc "ăn bẩn" của ông được kể trong truyện cho thấy nhân cách ông ta thế nào ?

2. Tìm hiểu nghệ thuật trào phúng của truyện. Tác giả đã gây nên tiếng cười nhằm đả kích bằng những biện pháp nghệ thuật nào ? (Chú ý : cách vào truyện độc đáo vừa hấp dẫn vừa mỉa mai, cách chơi chữ "ăn bẩn" có hai nghĩa ; cách kể chuyện tự nhiên, gây bất ngờ, giọng văn "tỉnh khô" ; đặc biệt, chú ý việc *tạo tình huống* làm bộc lộ mâu thuẫn gây tiếng cười trào phúng : ông huyện Hinh béo khỏe, dáng vẻ nghiêm trang nhưng lại là một kẻ ăn cắp chính tông, đúng là "ăn bẩn" ! ...).

3. Truyện cho thấy bộ mặt thật của bọn quan lại và của cái bộ máy chính quyền thực dân phong kiến đương thời như thế nào ? Sống dưới cái chế độ quan trường như thế, liệu người dân lành có thể trông mong gì ở công lí, pháp luật được không ?

Bài 5

LÃO HẠC

NAM CAO

Tiểu dẫn

Nam Cao (1915 - 1951), tên thật là Trần Hữu Tri, quê ở làng Đại Hoàng, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam. Ông là nhà văn tiêu biểu nhất của trào lưu văn học hiện thực thời kì 1940 - 1945 và là ngòi bút văn xuôi xuất sắc, với những sáng tác rất mực chân thực và thấm đượm một tinh thần nhân đạo sâu xa. Nam Cao hăng hái tham gia Cách mạng tháng Tám và tự nguyện đem ngòi bút phục vụ cách mạng và cuộc kháng chiến chống Pháp.

Nhà văn đã hi sinh trên đường về quê (ở vùng sau lưng địch) công tác, giữa lúc đang là cây bút xuất sắc nhất của văn xuôi kháng chiến khi đó.

Tác phẩm chính của Nam Cao trước Cách mạng : Các truyện ngắn : *Chí Phèo, Trăng sáng, Đời thừa, Lão Hạc, Một bữa no, Một đám cưới*... Các truyện dài : *Sống mòn, Chuyện người hàng xóm*. Sau Cách mạng : *Đôi mắt* (truyện ngắn), *Ở rừng* (nhật kí), *Chuyện biên giới* (kí sự)...

thuongmaitr

Lão Hạc thổi cái mồi rơm, châm đóm. Tôi đã thông điếu và bỏ thuốc[1] rồi. Tôi mời lão hút trước. Nhưng lão không nghe...

– Ông giáo hút trước đi.

Lão đưa đóm cho tôi...

– Tôi xin cụ.

Và tôi cầm lấy đóm, vo viên một điếu. Tôi rít một hơi xong, thông điếu rồi mới đặt vào lòng lão. Lão bỏ thuốc, nhưng chưa hút vội. Lão cầm lấy đóm, gạt tàn, và bảo :

– Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ !

Lão đặt xe điếu[2], hút. Tôi vừa thở khói vừa gà gà[3] đôi mắt của người say, nhìn lão, nhìn để làm ra vẻ chú ý đến câu nói của lão đó thôi. Thật ra thì trong lòng tôi rất dửng dưng. Tôi nghe câu ấy đã nhàm rồi. Tôi lại biết rằng : lão nói là nói để đó đấy thôi, chẳng bao giờ lão bán đâu. Vả lại, có bán thật nữa thì đã sao ? Làm quái gì một con chó mà lão có vẻ băn khoăn quá thế ! ...

36

Lão hút xong, đặt xe điếu xuống, quay ra ngoài, thở khói. Sau một điếu thuốc lào, óc người ta tê dại đi trong một nỗi đê mê nhẹ nhõm. Lão Hạc ngồi lặng lẽ, hưởng chút khoái lạc con con ấy. Tôi cũng ngồi lặng lẽ. Tôi nghĩ đến mấy quyển sách quý của tôi. Tôi quý chúng có lẽ còn hơn những ngón tay tôi. Hồi bị ốm nặng ở Sài Gòn tôi bán gần hết cả áo quần, nhưng vẫn không chịu bán cho ai một quyển. Ốm dậy, tôi về quê, hành lí[4] chỉ vẻn vẹn có một cái va-li đựng toàn những sách. Ôi những quyển sách rất nâng niu ! Tôi đã nguyện giữ chúng suốt đời, để lưu lại cái kỉ niệm một thời chăm chỉ, hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng[5] : mỗi lần mở một quyển ra, chưa kịp đọc dòng nào, tôi đã thấy bừng lên trong lòng tôi như một rạng đông, cái hình ảnh tuổi hai mươi trong trẻo, biết yêu và biết ghét... Nhưng đời người ta không chỉ khổ một lần. Mỗi lần cùng đường đất sinh nhai[6] và bán hết mọi thức rồi, tôi lại phải bán đi một ít sách của tôi. Sau cùng chỉ còn có năm quyển, tôi nhất định, dù có phải chết cũng không chịu bán. Ấy thế mà tôi cũng bán ! Mới cách đây có hơn một tháng thôi, đứa con nhỏ của tôi bị chứng lị gần kiệt sức... Không ! Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? Lão quý con chó vàng của lão đã thấm vào đâu với tôi quý năm quyển sách của tôi...

uongxua.vn

Tôi nghĩ thầm trong bụng thế. Còn lão Hạc, lão nghĩ gì ? Đột nhiên[7] lão bảo tôi :

– Này ! Thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má[8] gì đấy, ông giáo ạ !

À ! Thì ra lão đang nghĩ đến thằng con lão. Nó đi cao su[9] năm sáu năm rồi. Hồi tôi mới về, nó đã hết một hạn công-ta[10]. Lão Hạc đem thư của nó sang, mượn tôi xem. Nhưng nó xin đăng[11] thêm một hạn nữa... Lão vội cắt nghĩa cho tôi hiểu tại sao lão đang nói chuyện con chó lại nhảy vọt sang chuyện thằng con như vậy :

– Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ! ... Nó mua về nuôi, định để đến lúc cưới vợ thì giết thịt...

Ấy ! Sự đời lại cứ thường như vậy đấy. Người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được. Hai đứa mê nhau lắm. Bố mẹ đứa con gái biết vậy, nên cũng bằng lòng gả. Nhưng họ thách[12] nặng quá : nguyên tiền mặt phải một trăm đồng bạc, lại còn

cau, còn rượu... cả cưới nữa thì mất đến cứng hai trăm bạc. Lão Hạc không lo được. Ý thằng con lão thì nó muốn bán vườn, cố lo cho bằng được. Nhưng lão không cho bán. Ai lại bán vườn đi mà lấy vợ ? Và lại bán vườn đi, thì cưới vợ, về ở đâu ? Với lại, nói cho cùng nữa, nếu đằng nhà gái họ cứ khăng khăng đòi như vậy, thì dẫu có bán vườn đi cũng không đủ cưới. Lão Hạc biết vậy đấy, nhưng cũng không dám xẵng[13]. Lão tìm lời lẽ giảng giải cho con trai hiểu. Lão khuyên nó hãy dằn lòng[14] bỏ đám này để dùi giắng[15] lại ít lâu, xem có đám nào khá mà nhẹ tiền hơn sẽ liệu ; chẳng lấy đứa này thì lấy đứa khác ; làng này đã chết hết con gái đâu mà sợ ? ... Lạy trời lạy đất ! Nó cũng là thằng khá, nó thấy bố nói thế thì nó thôi ngay, nó không đả động đến việc cưới xin gì nữa. Nhưng nó có vẻ buồn. Và lão biết nó vẫn theo đuổi con kia mãi. Lão thương con lắm. Nhưng biết làm sao được ? ... Tháng mười năm ấy, con kia đi lấy chồng ; nó lấy con trai một ông phó lí[16], nhà có của. Thằng con lão sinh phẫn chí[17]. Ngay mấy hôm sau, nó ra tỉnh đến sở mộ phu[18], đưa thẻ[19], kí giấy xin đi làm đồn điền cao su...

Lão rân rấn nước mắt, bảo tôi :

– Trước khi đi, nó còn cho tôi ba đồng bạc, ông giáo ạ. Chả biết nó gửi thẻ xong, vay trước được mấy đồng, mà đưa về cho tôi ba đồng. Nó đưa cho tôi ba đồng mà bảo : "Con biếu thầy ba đồng để thỉnh thoảng thầy ăn quà ; xưa nay con ở nhà mãi cũng chẳng nuôi được bữa nào, thì con đi cũng chẳng phải lo ; thầy bòn vườn[20] đất với làm thuê làm mướn thêm cho người ta thế nào cũng đủ ăn ; con đi chuyến này cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm con mới về ; không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này, nhục lắm !...". Tôi chỉ còn biết khóc chứ còn biết làm sao được nữa ? Thẻ của nó, người ta giữ. Hình của nó, người ta đã chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu có còn là con tôi ? ...

*

* *

Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão. Lão chỉ còn một mình nó để làm khuây. Vợ lão chết rồi. Con lão đi bần bật. Già rồi mà ngày cũng như

đêm, chỉ thui thủi một mình thì ai mà chả phải buồn ? Những lúc buồn, có con chó làm bạn thì cũng đỡ buồn một chút. Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự[21]. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó cùng ăn. Những buổi tối, khi lão uống rượu, thì nó ngồi ở dưới chân. Lão cứ nhắm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó. Lão bảo nó thế này :

– Cậu có nhớ bố cậu không ? Hả cậu Vàng ? Bố cậu lâu lắm không có thư về. Bố cậu đi có lẽ được đến ba năm rồi đấy...

Hơn ba năm... Có đến ngót bốn năm... Không biết cuối năm nay bố cậu có về không ? Nó mà về, nó cưới vợ, thì nó giết cậu. Liệu hồn cậu đấy !

Con chó vẫn hếch mõm lên nhìn, chẳng lộ một vẻ gì ; lão lừ mắt nhìn trừng trừng vào mắt nó, to tiếng dọa :

– Nó giết mày đấy ! Mày có biết không ? Ông cho thì bỏ bố !

Con chó tưởng chủ mắng, vẫy đuôi mừng để lấy lại lòng chủ. Lão Hạc nạt to hơn nữa :

– Mừng à ? Vẫy đuôi à ? Vẫy đuôi thì cũng giết ! Cho cậu chết !

Thấy lão sừng sộ quá, con chó vừa vẫy đuôi vừa chực lảng. Nhưng lão vội nắm lấy nó, ôm đầu nó, đập nhè nhẹ vào lưng nó và dấu dí :

– À không ! À không ! Không giết cậu Vàng đâu nhỉ !... Cậu Vàng của ông ngoan lắm ! Ông không cho giết... Ông để cậu Vàng ông nuôi...

Lão buông nó ra để nhấc chén, ghé lên môi uống. Lão ngẩn mặt ra một chút, rồi bỗng nhiên thở dài. Rồi lão lẩm bẩm tính. Đấy là lão tính tiền bòn vườn của con.

Sau khi thằng con đi, lão tự bảo rằng : "Cái vườn là của con ta. Hồi còn mồ ma[22] mẹ nó, mẹ nó cố thắt lưng buộc bụng[23], dè sẻn mãi, mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu. Hồi ấy, mọi thức còn rẻ cả... Của mẹ nó tậu[24] thì nó hưởng. Lớp[25] trước nó đòi bán, ta không cho bán là ta có ý giữ cho nó, chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! Nó không có tiền cưới vợ, phẫn chí bước ra đi, thì đến lúc có tiền để lấy vợ, mới chịu về. Ta bòn vườn của nó, cũng nên để ra cho nó ; đến lúc nó về, nếu nó không đủ tiền cưới vợ thì ta thêm vào với nó, nếu nó có đủ tiền cưới vợ, thì ta cho vợ chồng nó để có chút vốn mà làm ăn...". Lão tự bảo lão như thế, và lão làm đúng như thế. Lão làm thuê để kiếm ăn. Hoa lợi[26] của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc mẩm[27] thế nào đến lúc con lão về, lão cũng có được một trăm đồng bạc...

Lão lắc đầu chán nản, bảo tôi :

– Ấy thế mà bây giờ hết nhẵn, ông giáo ạ ! Tôi chỉ ốm có một trận đấy thôi. Một trận đúng hai tháng mười tám ngày, ông

giáo ạ ! Hai tháng mười tám ngày đã không làm ra được một xu, lại còn thuốc, lại còn ăn... Ông thử tính ra xem bao nhiêu tiền vào đấy ? ...

Sau trận ốm, lão yếu người đi ghê lắm. Những công việc nặng không làm được nữa. Làng mất vé sợi[28], nghề vải đành phải bỏ. Đàn bà rỗi rãi nhiều. Còn tí việc nhẹ nào họ tranh nhau lấm mất cả. Lão Hạc không có việc. Rồi lại bão. Hoa màu[29] bị phá sạch sành sanh. Từ ngày bão đến nay, vườn lão chưa có một tí gì bán. Gạo thì cứ kém[30] mãi đi. Một lão với một con chó, mỗi ngày ba hào gạo, mà ra sự[31] vẫn còn đói deo đói dắt[32]...

– Tính ra cậu Vàng cậu ấy ăn khỏe hơn cả tôi, ông giáo ạ. Mỗi ngày cậu ấy ăn thế, bỏ rẻ[33] cũng mất hào rưỡi, hai hào đấy. Cứ mãi thế này thì tôi lấy tiền đâu mà nuôi được ? Mà cho cậu ấy ăn ít thì cậu ấy gầy đi, bán hụt tiền, có phải hoài không ? Bây giờ cậu ấy béo trùng trục, mua đắt, người ta cũng thích...

Lão ngất lại một phút, rồi tặc lưỡi :

– Thôi thì bán phắt đi ! Đỡ được đồng nào, hay đồng ấy. Bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó. Tôi bây giờ có làm gì được đâu !

uongxua.vn

*

*   *

Hôm sau lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay :

– Cậu Vàng đi đời rồi, ông giáo ạ !

– Cụ bán rồi ?

– Bán rồi. Họ vừa bắt xong.

Lão cố làm ra vẻ vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước, tôi muốn ôm choàng lấy lão mà òa lên khóc. Bây giờ thì tôi không xót xa năm quyển sách của tôi quá như trước nữa. Tôi chỉ ái ngại cho lão Hạc. Tôi hỏi cho có chuyện :

– Thế nó cho bắt à ?

Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc...

– Khốn nạn... Ông giáo ơi !... Nó có biết gì đâu ! Nó thấy tôi gọi thì chạy ngay về, vẫy đuôi mừng. Tôi cho nó ăn cơm. Nó đang ăn thì thằng Mục nấp trong nhà, ngay đằng sau nó, tóm lấy hai cẳng sau nó dốc ngược nó lên. Cứ thế là thằng Mục với thằng Xiên, hai thằng chúng nó chỉ loay hoay một lúc đã trói chặt cả bốn chân nó lại. Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết !... Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu ư ử, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?". Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó !

Tôi an ủi lão :

– Cụ cứ tưởng thế đấy chứ nó chả hiểu gì đâu ! Vả lại ai nuôi chó mà chả bán hay giết thịt ! Ta giết nó chính là hóa kiếp[34] cho nó đấy, hóa kiếp để cho nó làm kiếp khác.

Lão chua chát bảo :

– Ông giáo nói phải ! Kiếp con chó là kiếp khổ thì ta hóa kiếp cho nó để nó làm kiếp người, may ra có sung sướng hơn một chút... kiếp người như kiếp tôi chẳng hạn !...

thuongmaitr

Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo :

– Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?

– Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :

– Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phản này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm nước chè tươi thật đặc ; ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc lào... Thế là sướng.

– Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng.

Lão nói xong lại cười đưa đà[35]. Tiếng cười gượng nhưng nghe đã hiền hậu lại. Tôi vui vẻ bảo :

– Thế là được chứ gì ? Vậy cụ ngồi xuống đây, tôi đi luộc khoai, nấu nước.

– Nói đùa thế, chứ ông giáo cho để khi khác...

– Việc gì còn phải chờ khi khác ? ... Không bao giờ nên hoãn sự sung sướng lại. Cụ cứ ngồi xuống đây ! Tôi làm nhanh lắm...

– Đã biết, nhưng tôi còn muốn nhờ ông một việc...

Mặt lão nghiêm trang lại...

– Việc gì thế, cụ ?

– Ông giáo để tôi nói... Nó hơi dài dòng một tí.

– Vâng, cụ nói.

– Nó thế này, ông giáo ạ ! ...

Và lão kể. Lão kể nhỏ nhẻ và dài dòng thật. Nhưng đại khái(36) có thể rút vào hai việc. Việc thứ nhất : lão thì già, con đi vắng, vả lại nó cũng còn dại lắm, nếu không có người trông nom cho thì khó mà giữ được vườn đất để làm ăn ở làng này ; tôi là người nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể, vậy lão muốn nhờ tôi cho lão gửi ba sào vườn của thằng con lão ; lão viết văn tự(37) nhượng cho tôi để không ai còn tơ tưởng(38) dòm ngó đến ; khi nào con lão về thì nó sẽ nhận vườn làm, nhưng văn tự cứ để tên tôi cũng được, để thế để tôi trông coi cho nó... Việc thứ hai : lão già yếu lắm rồi, không biết sống chết lúc nào, con không có nhà, lỡ chết không biết ai đứng ra lo cho được ; để phiền cho hàng xóm thì chết không nhắm mắt ; lão còn được hăm nhăm đồng bạc với năm đồng bạc vừa bán chó là ba mươi đồng bạc, muốn gửi tôi, để lỡ có chết thì tôi đem ra, nói với hàng xóm giúp, gọi là của lão có tí chút, còn bao nhiêu đành nhờ hàng xóm cả...

Tôi bật cười bảo lão :

– Sao cụ lo xa quá thế ? Cụ còn khỏe lắm, chưa chết đâu mà sợ ! Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay ! Tội gì bây giờ nhịn đói mà tiền để lại ?

– Không, ông giáo ạ ! Ăn mãi hết đi thì đến lúc chết lấy gì mà lo liệu ?

(*)

(*) Ở đây còn thiếu lời của nhân vật "tôi" (NBS).

– Đã đành rằng thế, nhưng tôi bòn vườn của nó bao nhiêu, tiêu hết cả. Nó vợ con chưa có. Ngộ nó không lấy gì lo được, lại bán vườn thì sao ?... Tôi cắn rơm, cắn cỏ[39] tôi lạy ông giáo ! Ông giáo có nghĩ cái tình tôi già nua tuổi tác mà thương thì ông giáo cứ cho tôi gửi.

Thấy lão nằn nì mãi, tôi đành nhận vậy. Lúc lão ra về, tôi còn hỏi :

– Có đồng nào, cụ nhặt nhạnh đưa cho tôi cả thì cụ lấy gì mà ăn ?

Lão cười nhạt bảo :

– Được ạ ! Tôi đã liệu đâu vào đấy... Thế nào rồi cũng xong.

Luôn mấy hôm, tôi thấy lão Hạc chỉ ăn khoai. Rồi thì khoai cũng hết. Bắt đầu từ đấy, lão chế tạo được món gì, ăn món ấy. Hôm thì lão ăn củ chuối, hôm thì lão ăn sung luộc, hôm thì ăn rau má, với thỉnh thoảng một vài củ ráy[40] hay bữa trai, bữa ốc. Tôi nói chuyện lão với vợ tôi. Thị gạt phắt đi :

– Cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ. Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! Nhà mình sung sướng gì mà giúp lão ? Chính con mình cũng đói...

thuongmaitr

Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương... Vợ tôi không ác, nhưng thị khổ quá rồi. Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu ? Khi người ta khổ quá thì người ta chẳng còn nghĩ gì đến ai được nữa. Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ che lấp mất. Tôi biết vậy, nên tôi chỉ buồn chứ không nỡ giận. Tôi giấu giếm vợ tôi, thỉnh thoảng giúp ngấm ngầm lão Hạc. Nhưng hình như lão cũng biết vợ tôi không ưng giúp lão. Lão từ chối tất cả những cái gì tôi cho lão. Lão từ chối một cách gần như là hách dịch[41]. Và lão cứ xa tôi dần dần...

Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi càng buồn lắm. Những người nghèo nhiều khi tự ái vẫn thường như thế. Họ dễ tủi thân nên rất hay chạnh lòng[42]. Ta khó mà ở cho vừa ý họ... Một

hôm, tôi phàn nàn về việc ấy với Binh Tư. Binh Tư là một người láng giềng khác của tôi. Hắn làm nghề ăn trộm nên vốn không ưa lão Hạc bởi vì lão lương thiện quá. Hắn bĩu môi và bảo :

– Lão làm bộ đấy ! Thật ra thì lão chỉ tâm ngẩm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu : Lão vừa xin tôi một ít bả chó(43)...

Tôi trố to đôi mắt, ngạc nhiên. Hắn thì thầm :

– Lão bảo có con chó nhà nào cứ đến vườn nhà lão... Lão định cho nó xơi một bữa. Nếu trúng, lão với tôi uống rượu.

Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều như ai hết... Một người như thế ấy !... Một người đã khóc vì trót lừa một con chó !... Một người nhịn ăn để tiền lại làm ma, bởi không muốn liên lụy đến hàng xóm, láng giềng... Con người đáng kính ấy bây giờ cũng theo gót Binh Tư để có ăn ư ? Cuộc đời quả thật cứ mỗi ngày một thêm đáng buồn...

*

* *

Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thình lình như vậy. Chỉ có tôi với Binh Tư hiểu. Nhưng nói ra làm gì nữa ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : "Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...".

1943

(Theo *Nam Cao – Tác phẩm*, tập 1
NXB Văn học, 1975)

uongxua.vn

Chú giải

(1) *Thông điếu và bỏ thuốc :* lấy que nhỏ thông nõ điếu *(thông điếu)* rồi bỏ thuốc lào đã vê thành viên vào đó, chuẩn bị hút.

(2) *Xe điếu :* ống nhỏ và dài, cắm vào điếu để hút thuốc lào.

(3) *Gà gà :* trạng thái lơ mơ của người ta khi buồn ngủ hoặc khi hơi say thuốc, say rượu.

(4) *Hành lí :* đồ dùng mang theo khi đi xa.

(5) *Cao vọng :* ước vọng cao xa.

(6) *Sinh nhai :* kiếm sống ; làm ăn để sinh sống.

(7) *Đột nhiên :* đột ngột xảy ra.

(8) *Giấy má :* giấy tờ nói chung ; ở đây là thư từ.

(9) *Đi cao su :* đi làm ở đồn điền cao su.

(10) *Công-ta* (tiếng Pháp : *contrat*, đọc là *công-tơ-ra*) : giấy hợp đồng, giao kèo.

(11) *Đăng* (khẩu ngữ) : đăng kí, ghi tên để nhận làm.

(12) *Thách :* ở đây được dùng với nghĩa là *thách cưới* – nhà gái nêu yêu cầu với nhà trai về đồ sính lễ cưới con gái.

(13) *Xẳng :* giọng nói gay gắt, khó chịu.

(14) *Dằn lòng :* nén lòng.

(15) *Dùi giằng* (khẩu ngữ, địa phương) : nán đợi.

(16) *Phó lí :* chức phó cho lí trưởng (người đứng đầu bộ máy hành chính trong làng).

(17) *Phẫn chí :* uất hận vì không đạt ước muốn, trở nên bi quan, có thể làm liều.

(18) *Sở mộ phu :* nơi thu nhận, đăng kí những người đi làm phu các đồn điền, hầm mỏ thời Pháp thuộc.

(19) *Thẻ :* miếng giấy nhỏ chứng nhận một tư cách của một tổ chức nào đó *(thẻ đoàn viên, thẻ đọc sách...)*. Ở đây là thẻ căn cước thời thuộc Pháp cấp cho người dân từ 18 đến 60 tuổi để kiểm tra khi đi lại, lúc sưu thuế.

(20) *Bòn vườn* (khẩu ngữ, địa phương) : những việc làm kiếm ra tiền từ mảnh vườn nhà.

(21) *Cầu tự :* cầu trời cúng Phật ở các đền chùa để được sinh con trai.

(22) *Còn mồ ma* (khẩu ngữ) : khi còn sống của người nào đó.

(23) *Thắt lưng buộc bụng* (thành ngữ) : (nghĩa đen : thắt bụng chặt lại để cố chịu đựng cái đói) hạn chế hết sức những nhu cầu tiêu dùng để tiết kiệm trong hoàn cảnh khó khăn.

(24) *Tậu :* mua thứ có giá trị quan trọng đối với đời sống gia đình (tậu ruộng, tậu nhà, tậu trâu...).

thuongmaitr

(25) *Lớp* (khẩu ngữ) : thời, đợt ; *lớp trước* : thời trước, dạo trước.

(26) *Hoa lợi* : những thứ thu hoạch được do trồng trọt.

(27) *Chắc mẩm* : tin chắc thầm.

(28) *Vé sợi* : vé được cấp để mua sợi dệt vải.

(29) *Hoa màu* : những loại cây lương thực trừ lúa, như ngô, khoai, sắn...

(30) *Kém* (gạo kém) : giá (thóc gạo) đắt đỏ.

(31) *Ra sự* (khẩu ngữ, địa phương) : dường như là, có vẻ như là.

(32) *Đói deo đói dắt* (khẩu ngữ, địa phương) : đói dai dẳng không dứt.

(33) *Bỏ rẻ* : bán rẻ.

(34) *Hóa kiếp* : chuyển kiếp này sang kiếp khác, ý nói chết (tín ngưỡng dân gian cho rằng một sinh vật chết đi chỉ là chuyển hóa sang một kiếp sống nào khác).

(35) *Đưa đà* : nói năng những lời chỉ cốt cuộc nói chuyện được suôn sẻ, dễ dàng, chứ không có nội dung đáng kể gì.

(36) *Đại khái* : nhìn thoáng qua trên nét lớn.

(37) *Văn tự* : xem chú giải (13) tr. 29.

(38) *Tơ tưởng* (cũ) : nghĩ ngợi, mơ tưởng đến.

(39) *Cắn rơm cắn cỏ* (khẩu ngữ, cũ) : ý hạ mình van xin hết sức khẩn thiết.

(40) *Ráy* : loại cây thân cỏ lá to, củ ăn được nhưng ngứa. (Ca dao : *Đói lòng ăn ráy ăn khoai – Chớ thấy lúa trổ tháng hai mà mừng).*

(41) *Hách dịch* : cậy oai, hống hách với người khác.

(42) *Chạnh lòng* : cảm thấy buồn tủi, xấu hổ do bị chạm đến một nỗi riêng tư nào đó.

(43) *Bả* : món hỗn hợp thức ăn trộn với thuốc độc dùng làm mồi để lừa giết thú nhỏ ; *bả chó* : bả giết chó ; nghĩa rộng : cái có thể cám dỗ, lừa phỉnh, đưa người ta vào chỗ xấu xa nguy hiểm – *bả danh lợi ; bả vinh hoa.*

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích tình cảnh cùng khổ của bố con lão Hạc. Vì sao anh con trai lão bỏ làng đi làm đồn điền cao su ? (Chú ý những lời anh ta nói với bố lúc ra đi để thấy tâm sự và tình cảm của anh đối với bố). Lão Hạc ở nhà sống như thế nào ? Vì sao lão phải bán "cậu Vàng" yêu quý của lão ? Qua cuộc sống cùng khổ và cái chết đau đớn, thê thảm của lão Hạc, em có suy nghĩ gì về số phận người nông dân lao động Việt Nam trước Cách mạng ?

2. Hãy phân tích vẻ đẹp tâm hồn của lão Hạc (chú ý tấm lòng của lão đối với "cậu Vàng" và nhất là đối với anh con trai ; giải thích cái chết của lão Hạc). Qua việc lão Hạc tìm đến cái chết, em thấy lão là người thế nào ?

3. Khi nghe Binh Tư cho biết lão Hạc xin hắn bả chó để định bắt một con chó hàng xóm thì "ông giáo" cảm thấy "cuộc đời quả thật đáng buồn". Nhưng khi chứng kiến cái chết đau đớn của lão Hạc, "ông giáo" đã nghĩ : "*Không ! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác*". Em hiểu những ý nghĩ đó của ông giáo như thế nào ?

4. Hãy giải thích và nói suy nghĩ của em về ý kiến sau đây của "ông giáo" : "*Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn ; không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỉ che lấp mất*".

5. Hãy nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. Chú ý : nghệ thuật xây dựng nhân vật (chủ yếu qua nhân vật lão Hạc) ; cách dựng truyện và ngôn ngữ truyện.

thuongmaitr

Bài 6

TỪ ẤY

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Tố Hữu, tên thật là Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1920 ở ngoại thành Huế (tỉnh Thừa Thiên – Huế). Ông hoạt động cách mạng từ sớm, đã bị tù đày trong nhiều nhà tù thực dân trước 1945. Sau Cách mạng, ông đã từng là ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuộc đời thơ của Tố Hữu gắn liền với cuộc đời cách mạng của ông. Ông là lá cờ đầu của nền thơ ca cách mạng trong suốt nhiều năm, trước và sau Cách mạng tháng Tám 1945.

Các tập thơ của Tố Hữu : *Thơ* (1946, in lại 1959 với nhan đề *Từ ấy*), *Việt Bắc* (1954), *Gió lộng* (1961), *Ra trận* (1972), *Máu và hoa* (1966), *Một tiếng đờn* (1992)...

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí[1] chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Tôi buộc lòng tôi với mọi người
Để tình trang trải[2] với trăm nơi
Để hồn tôi với bao hồn khổ
Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Tôi đã là con của vạn nhà
Là em của vạn kiếp phôi pha[3]
Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ...[4]

Tháng 7 - 1938

(Theo *Tố Hữu - Tác phẩm*. NXB Văn học, 1979)

Chú giải

(1) *Chân lí :* sự thật, cái đúng, lẽ phải (nói khái quát). *Mặt trời chân lí :* ở đây, tác giả chỉ chủ nghĩa Mác Lênin – chủ nghĩa cộng sản, được coi là chân lí lớn của thời đại, là mặt trời soi sáng con đường đấu tranh tự giải phóng của quần chúng bị áp bức.

(2) *Trang trải :* thu xếp trả hết nợ nần ; ở đây dùng với nghĩa trải khắp và đền đáp (tình cảm).

(3) *Phôi pha :* phai nhạt ; ở đây có lẽ tác giả dùng với nghĩa tàn tạ.

(4) *Cù bất cù bơ* (cầu bất cầu bơ) : bơ vơ, lang thang, không chốn nương thân.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích khổ thơ đầu của bài thơ ; chú ý làm rõ niềm vui sướng tràn ngập tâm hồn tác giả khi bắt gặp lí tưởng cộng sản được thể hiện trong đó. Qua khổ thơ, cho biết vì sao với Tố Hữu, việc bắt gặp lí tưởng cộng sản lại là niềm vui sướng mãnh liệt đến thế ?

2. Lời tâm niệm chân thành của người thanh niên mới giác ngộ lí tưởng cộng sản nguyện gắn bó với quần chúng lao khổ được diễn tả ở hai khổ sau như thế nào ? Hãy tìm hiểu, giải thích các ý thơ trong đó.

3. Có thể nói, bài *Từ ấy* rất tiêu biểu cho bút pháp thơ giàu chất lãng mạn thuở ban đầu của Tố Hữu. Hãy chứng minh ý kiến đó.

truongxua.vn

Bài 7

KHI CON TỤ HÚ[1]

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Tố Hữu giác ngộ lí tưởng cách mạng khi đang là học sinh trường Quốc học (Huế). Đó là lúc phong trào Mặt trận dân chủ do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo đang sôi sục ở Huế cũng như khắp nơi trong nước. Tố Hữu say mê hoạt động trong Đoàn thanh niên dân chủ ở Huế và được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương năm 1938. Đến khi thực dân Pháp lại ra tay khủng bố, đàn áp cách mạng thì Tố Hữu bị bắt giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế, tháng 4-1939). Sau đó, ông lần lượt trải qua một loạt nhà lao, từ Huế đến các tỉnh Tây Nguyên ; cho đến tháng 3-1942 thì vượt ngục, tìm về với tổ chức Đảng, tiếp tục hoạt động cách mạng ở Thanh Hóa.

Bài *Khi con tu hú* được sáng tác tháng 7-1939, khi nhà thơ đang bị giam trong nhà lao Thừa Phủ.

thuongmaitr

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp[2] rây vàng hạt đầy sân nắng đào[3]
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng[4], hè ôi !
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu !

Huế, tháng 7-1939

(Theo *Tố Hữu – Tác phẩm*. Sđd)

Chú giải

(1) *Tu hú :* một loài chim, thường xuất hiện và hay hót vào dịp hè sang.

(2) *Bắp* (tiếng địa phương) : ngô.

(3) *Đào* : màu hồng như hoa đào ; *nắng đào* : nắng hồng.

(4) *Phòng* : ở đây là phòng giam ; lúc này, tác giả đang bị giam trong nhà lao Thừa Phủ (Huế).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nhan đề bài thơ nên được hiểu như thế nào ? Tiếng chim tu hú lúc sang hè đã tác động thế nào đến tâm hồn người chiến sĩ trẻ đang bị giam cầm ?

2. Phân tích cảnh thiên nhiên tươi vui, rộn ràng đầy quyến rũ đối với người chiến sĩ đang bị giam trong nhà tù, được thể hiện trong 6 câu đầu.

3. Phân tích tâm trạng bực bội, u uất của người chiến sĩ trẻ đang trong phòng giam ngột ngạt được thể hiện trong 4 câu cuối.

4. Em nhận thấy bài thơ có những nét đặc sắc nghệ thuật gì ?

BÀI ĐỌC THÊM

truongxua.vn

CON CHIM CỦA TÔI

TỐ HỮU

Tiểu dẫn

Cũng như bài *Khi con tu hú*, bài *Con chim của tôi* được Tố Hữu sáng tác khi bị giam ở nhà lao Thừa Phủ (Huế), nhà lao đầu tiên trong quãng đời tù đày của người chiến sĩ trẻ tuổi. Hai bài thơ, nội dung cảm xúc cụ thể khác nhau, nhưng đều cho thấy niềm khao khát bầu trời tự do của người tù cách mạng đó mạnh mẽ biết chừng nào.

Nó chết rồi, con chim của tôi
Con chim sẻ sẻ[1] mới ra đời !
Hôm qua nó hãy còn bay nhảy
Chỉ một ngày giam, đã chết rồi !

Tôi muốn cô đơn[2] dịu bớt sầu
Nên tôi yêu nó, có gì đâu !

Tình thương vô ý gây nên tội
Tôi đã tù, sao bắt nó tù ?

Sao nỡ dù trong giây phút thôi
Bắt con chim nhỏ hận[3] câm lời
Sao không trả nó về mây gió
Cho nó say sưa uống ánh trời ?

Tôi dẫu dành cơm mớm nó ăn
Đủ làm sao được : thiếu không gian !
Sao tôi không hiểu, sao không hiểu ?
Để tội tình chưa, nó chết oan !

Xà lim số 1 lao Thừa Thiên
Tháng 5-1939
(Theo *Tố Hữu – Tác phẩm*. Sđd)

Chú giải

thuongmaitr

(1) *Chim sẻ sẻ* (chim sẻ) : một loại chim nhỏ.

(2) *Cô đơn :* lẻ loi, một mình ; lúc này, tác giả đang bị giam trong nhà tù và cảm thấy rất cô đơn, vì phải cách biệt gần như hoàn toàn với cuộc sống bên ngoài.

(3) *Hận câm lời :* ở đây, muốn nói nỗi hận không nói nên lời của con chim bị nhốt ; cũng có thể hiểu là nỗi hận của con chim bị giam cầm không được cất tiếng hót tự do.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Phân tích nỗi thương xót và nhất là nỗi ân hận sâu sắc của tác giả đã *"vô ý gây nên tội"*, dẫn đến cái chết của con chim. Tác giả nghiêm khắc tự trách mình vì điều gì ? Qua những lời thơ tự dằn vặt đó, ta thấy tác giả đã hiểu ra điều gì quan trọng ?

2. Trong bài thơ – tác giả có nhiều câu tự vấn *(Tôi đã tù, sao bắt nó tù – Sao không trả nó về mây gió ?)*. Những câu thơ tự vấn đó có hiệu quả nghệ thuật gì ?

3. Hãy nêu lên ý nghĩa tư tưởng của bài thơ.

Bài 8

LẤY CỦI

SÓNG HỒNG

Tiểu dẫn

Sóng Hồng (1907-1988), tên thật là Đặng Xuân Khu, tên quen thuộc là Trường Chinh. Ông quê ở làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường tỉnh Nam Định ; là một chiến sĩ cộng sản Việt Nam lớp đầu tiên, từng là Tổng bí thư Đảng và Chủ tịch Hội đồng nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ông còn là nhà thơ ; thơ ông phần lớn sáng tác trong những năm tháng bị tù đày dưới chế độ thực dân. Tác phẩm thơ đã xuất bản : *Thơ Sóng Hồng* (tập I : 1966, tập II : 1974).

Bài *Lấy củi* được sáng tác khi tác giả bị giam cầm ở nhà tù Sơn La, khoảng 1934-1935. Hằng ngày, tù nhân phải vào rừng lấy củi, đốt than.

ruongxua.vn

Rủ nhau lấy củi sườn non,
Chim kêu vượn hót bồn chồn ruột gan.
Đồng bào đau xót lầm than[1],
Mà ai nắng xế sương tan[2] qua ngày !
Đốt cho tiêu kiếp tù đày
Cho bừng lửa hận, biết tay anh hùng.
Có về không, có về không ?
Bước mau, mau bước non sông đợi chờ.

Nhà tù Sơn La,
khoảng 1934 - 1935

(Theo *Thơ Sóng Hồng*, NXB Văn học, 1966)

Chú giải

(1) *Lầm than* : vất vả, khổ cực.

(2) *Nắng xế, sương tan* : giống như *sương sớm nắng chiều*, có nghĩa là ngày lại ngày, thời gian cứ trôi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích tâm trạng "bồn chồn ruột gan" của người tù cách mạng thể hiện trong bài thơ (chú ý các câu 2, 3, 4).

2. Phân tích 4 câu cuối. Điều gì đang thôi thúc, sôi sục trong lòng người chiến sĩ cách mạng ?

3. Có những yếu tố gì tạo nên sức truyền cảm nghệ thuật của bài thơ ?

Bài 9

TỨC CẢNH PÁC BÓ

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tiểu dẫn

Tháng 2-1941, sau ba mươi năm bôn ba hoạt động cách mạng ở nước ngoài lo giải phóng dân tộc, Bác Hồ về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Người sống và làm việc trong điều kiện hết sức gian khổ ở hang núi Pác Bó, bên bờ con suối được Người đặt tên là suối Lê-nin. Pác Bó thuộc huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, sát biên giới Việt Trung.

Sáng ra bờ suối, tối vào hang
Cháo bẹ[1] rau măng vẫn sẵn sàng[2]
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng[3]
Cuộc đời cách mạng thật là sang !

(Theo *Thơ Hồ Chủ tịch*. NXB Văn học, 1967)

Chú giải

(1) *Bẹ* : ngô.

(2) Câu này có nghĩa là : cháo bẹ (ngô) và rau măng luôn có sẵn.

(3) *Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng* : hang Pác Bó hẹp và tối, nên ban ngày, Bác Hồ phải ra làm việc bên bờ suối, trên một tảng đá dùng làm bàn viết. Thời kì này, Bác Hồ có dịch vắn tắt *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô* làm tài liệu huấn luyện lí luận và thực hành cho cán bộ cách mạng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc diễn cảm bài thơ và hãy cho biết cảm nhận của em về giọng điệu, tinh thần chung của bài thơ.

2. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác cụ thể của nó, em có suy nghĩ gì về tâm trạng thoải mái, vui thích của Bác Hồ thể hiện trong đó ? Vì sao Người cảm thấy "*Cuộc đời cách mạng thật là sang !*" tuy cuộc đời ấy rất gian khổ ?

3. Qua bài thơ, em thấy Bác Hồ có cảm xúc như thế nào về cuộc sống giữa thiên nhiên nơi rừng núi của mình ? Thi nhân xưa cũng thường ca ngợi "thú lâm tuyền" (niềm vui thú được sống giữa suối, rừng) ; em thấy Bác Hồ và người xưa có gì giống và khác nhau trong "thú lâm tuyền" đó ?

Bài 10

NHẬT KÍ TRONG TÙ

ruongxua.vn

HỒ CHÍ MINH

Tháng 8–1942, lãnh tụ cách mạng Nguyễn Ái Quốc – bắt đầu lấy tên mới là Hồ Chí Minh – từ địa điểm cơ quan bí mật đóng ở vùng núi Pác Bó thuộc tỉnh Cao Bằng, đã lên đường sang Trung Quốc để tranh thủ sự viện trợ quốc tế và liên hệ với các lực lượng chống Nhật của người Việt Nam ở Trung Quốc. Nhưng khi đến gần thị trấn Túc Vinh (tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) thì Hồ Chí Minh bị chính quyền địa phương ở đây bắt giữ. Người bị giam cầm, bị đày đọa vô vàn cực khổ, thường xuyên bị giải tới giải lui khắp tỉnh Quảng Tây hơn một năm trời.

Trong chuỗi ngày bị tù đày gian khổ đó, Hồ Chí Minh đã viết tập thơ *Nhật kí trong tù* bằng chữ Hán, gồm 133 bài. Ở trang bìa, Người viết mấy câu thơ, có thể coi là đề từ[1] :

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao ;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

Trong bài *Mở đầu*, người nói rõ lí do sáng tác tập thơ : trong tù không biết làm gì, đành làm thơ "*ngâm ngợi cho khuây*", để đợi ngày được tự do. Nhưng vì đây là thơ trữ tình, là nhật kí tâm tình, nên những bài thơ viết ra chỉ cốt để "*cho khuây*", nỗi sốt ruột ấy vẫn cho thấy rõ tâm hồn và tính cách của tác giả, một con người Việt Nam đẹp nhất. Chính điều đó đã làm nên giá trị lớn lao và sức hấp dẫn đặc biệt của tập thơ. Tập thơ có những bài viết về nhà tù và chế độ xã hội Trung Quốc thối nát, về những cảnh sinh hoạt trong tù, nhưng phần chủ yếu là những bài bộc bạch nỗi lòng, qua đó đã toát lên vẻ đẹp nhiều mặt của tâm hồn Bác Hồ.

Trong suốt thời gian bị tù đày, nỗi đau khổ lớn nhất của Hồ Chí Minh không phải là gông cùm, đói rét – những đày đọa về thể chất – mà là bị mất tự do, xa rời cuộc chiến đấu. Người chiến sĩ cách mạng ấy đêm ngày khao khát tự do tới cháy ruột, mong mỏi từng ngày từng giờ sớm trở về với phong trào cách mạng trong nước. Dường như ở mọi lúc và mọi nơi, ngày và đêm, khi "*không ngủ được*" và khi "*vừa chợp mắt*", trong lúc tỉnh và cả trong giấc mộng, khi ngắm cảnh hay khi "*học đánh cờ*"..., người tù yêu nước tha hương ấy luôn canh cánh nghĩ về đất nước. Nhiều bài thơ cho thấy Người đau nỗi đau "*đất Việt cảnh lầm than*", đã "*hòa lệ thành thơ*" nói lên niềm thương nỗi nhớ không lúc nào nguôi đối với đất nước.

Tập nhật kí còn cho thấy Hồ Chí Minh có một tấm lòng nhân ái bao la, sâu thẳm. Hầu như Người không bận lòng tới những nỗi cực khổ ghê gớm mà Người đang phải chịu đựng, nhưng lại rất nhạy cảm, quan tâm tới những cảnh ngộ đáng thương của những người khác. Người xót xa vô hạn trước cảnh một người tù cờ bạc hôm qua còn ngủ bên Người mà sớm nay đã chết ; cảnh một em bé mới nửa tuổi đã phải theo mẹ vào tù ; cảnh vợ chồng một người bạn tù gặp nhau nhưng vì quá xúc động nên cứ nghẹn ngào không nói được nên lời ; nỗi nhớ nhà của người bạn tù gửi trong tiếng sáo sầu não của anh... Có thể nói, đó là một tình thương quên mình của bậc "đại nhân".

Nhật kí trong tù đã thể hiện sáng ngời tinh thần kiên cường, bất khuất và bản lĩnh cách mạng phi thường của người chiến sĩ vĩ đại Hồ Chí Minh. Chẳng những người tù cách mạng ấy đã dũng cảm chịu đựng hoàn cảnh "*sống khác loài người*" vô vàn

cực khổ trong nhà tù tàn bạo, mà còn vượt hẳn lên trên hoàn cảnh ấy với một thái độ ung dung, tự chủ, thể hiện một tinh thần lạc quan chiến thắng. Vì vậy mà trong *Nhật kí trong tù* có những bài tác giả cười đùa rất thoải mái ngay trong cảnh ngộ cực khổ (*Đêm ngủ ở Long Tuyền, Dây trói, Đi Nam Ninh, Trên đường đi*...) ; lại có những bài thể hiện sự rung cảm tinh tế trước vẻ đẹp bình dị và thơ mộng của thiên nhiên, chứng tỏ tâm hồn nghệ sĩ bay bổng của người viết (*Chiều tối, Ngắm trăng, Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh, Hoàng hôn* ...), bất chấp hoàn cảnh hết sức khắc nghiệt của ngục tù.

Nhật kí trong tù chẳng những cho thấy tâm hồn phong phú, cao đẹp tuyệt vời của Hồ Chí Minh, vừa là nhà cách mạng vĩ đại vừa là con người rất người, mà còn thể hiện một thi tài độc đáo và đa dạng. Đó là một ngòi bút thơ vừa hồn nhiên giản dị, vừa hàm súc sâu xa, vừa có màu sắc cổ điển, vừa mới mẻ, hiện đại...

Là một tác phẩm ra đời ngoài ý định của tác giả, một người không bao giờ nhận mình là nhà thơ, *Nhật kí trong tù* vẫn thật sự là một tập thơ vô giá, một viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân tộc.

truongxua.vn

Chú giải

Nhật kí trong tù được dịch và xuất bản lần đầu năm 1960, sau được bổ sung và sửa chữa thêm. Văn bản những bài chọn giảng trong sách này đều dựa theo bản dịch của Viện Văn học năm 1994(*).

(1) *Đề từ* : những lời viết riêng ở đầu tác phẩm (hoặc đầu chương sách) thường mang ý nghĩa thâu tóm tư tưởng chủ đạo của tác phẩm (hoặc chương sách) đó.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm đọc tập *Nhật kí trong tù*. Hãy tập hợp các bài thơ (trong tập thơ) theo các chủ điểm sau :

– thể hiện lòng yêu nước và niềm khao khát tự do, khao khát chiến đấu

(*) Viện Văn học – *Suy nghĩ mới về Nhật kí trong tù – Nhật kí trong tù (Bản dịch trọn vẹn)*, Nhà xuất bản Giáo dục, H, 1994.

– thể hiện tình thương, sự quý trọng con người

– thể hiện tình cảm gắn bó với thiên nhiên

– những bài châm biếm chế độ nhà tù và xã hội Trung Quốc đen tối đương thời

– thể hiện tinh thần lạc quan, phong thái ung dung, tự chủ.

2. Vì sao trong bài *Mở đầu*, Hồ Chí Minh viết : "*Ngâm thơ ta vốn không ham*", mà Người lại làm thơ nhiều và hay như vậy ?

3. Trong bài đề từ trên trang bìa tập *Nhật kí trong tù*, Hồ Chí Minh viết : "*Thân thể ở trong lao – Tinh thần ở ngoài lao*". Nên hiểu hai câu thơ đó như thế nào ? Qua tập thơ, em hãy chứng minh (trên nét lớn) ý thơ đó.

Bài 11

KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

HỒ CHÍ MINH

thuongmaitr

Một canh[1] ... hai canh ... lại ba canh
Trằn trọc, băn khoăn giấc[2] chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh[3].

(Nhật kí trong tù)

Chú giải

(1) *Canh :* khoảng thời gian của đêm ; ngày xưa được dùng làm đơn vị tính thời gian ban đêm, một đêm chia làm năm canh.

(2) *Giấc :* giấc ngủ.

(3) *Sao vàng năm cánh :* ở đây là sao vàng trong lá cờ Việt Minh. Tháng 5-1941, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Pác Bó (Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì, đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), đoàn kết rộng rãi mọi lực lượng yêu nước đứng lên đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc. Lá cờ chính thức của Mặt trận nền đỏ,

giữa có sao vàng năm cánh (sau trở thành Quốc kì của nước Việt Nam độc lập). Từ đó, sao vàng năm cánh có ý nghĩa tượng trưng cho cách mạng và Tổ quốc.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Em có cảm nhận thế nào về sự ngắt nhịp chậm rãi của câu 1 và lời thơ như chỉ là đếm thời gian của câu 1 và câu 3 ? Theo em, vì sao Hồ Chí Minh *"trằn trọc, băn khoăn"* hầu như suốt năm canh *"không ngủ được"* ?

2. Bình giảng câu thứ tư. Em có nhận xét gì về sự vận động của mạch thơ từ câu đầu đến câu cuối ? Có thể nói, từ chỗ *"trằn trọc băn khoăn"* không ngủ được đến chỗ *"chợp mắt"* với *"Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh"*, tâm sự người tù cách mạng Hồ Chí Minh vẫn là một. Đó là tâm sự gì ? Em hãy phân tích tâm sự đó của Người.

Bài 12

NGẮM TRĂNG

truongxua.vn

HỒ CHÍ MINH

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

(Nhật kí trong tù)

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích lòng yêu trăng của Hồ Chí Minh thể hiện trong bài thơ (chú ý bám sát từng ý thơ).

2. Đặt bài thơ trong hoàn cảnh sáng tác không bình thường của nó (tác giả đang bị giam và bị đày đọa cực khổ), em thấy lòng yêu trăng của Hồ Chí Minh có gì đặc biệt ? Từ đó, em hiểu gì thêm về tâm hồn của Người qua bài thơ ?

3. Phân tích hai câu cuối. Chú ý biện pháp nhân hóa trăng và cách đối ý đã làm nổi bật tình cảm gắn bó đặc biệt giữa người tù thi sĩ và trăng, cả hai đều chủ động tìm đến giao hòa cùng nhau, vượt qua cánh cửa nhà tù.

4. Có người nói bài *Ngắm trăng* cho thấy một cuộc vượt ngục về tinh thần của người tù cách mạng Hồ Chí Minh. Em hiểu ý kiến đó như thế nào ?

Bài 13

ĐI ĐƯỜNG

HỒ CHÍ MINH

Đi đường mới biết gian lao[1]
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng[2],
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng[3] nước non.

(Nhật kí trong tù)

thuongmaitr

Chú giải

(1) *Gian lao :* khó khăn gian khổ

(2) *Trập trùng :* lớp này lại lớp khác cao thấp không đều, cứ liên tiếp nối nhau không dứt.

(3) *Trùng :* tầng, lớp tương tự như nhau, chồng lên nhau hoặc nối tiếp nhau (*trời cao mấy trùng : vượt trùng vi* ...).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích câu thứ hai để làm rõ nỗi gian lao của người đi đường (ở đây là đường núi).

2. Phân tích hai câu sau (chú ý hai lớp nghĩa trong đó).

Em có nhận xét gì về sự chuyển ý từ hai câu đầu sang hai câu sau ?

3. Bài thơ gợi cho em suy nghĩ gì về thái độ con người trước con đường đời đầy khó khăn, thử thách ?

BÀI ĐỌC THÊM

ỐM NẶNG

HỒ CHÍ MINH

"Ngoại cảm"(1) trời Hoa cơn nóng lạnh,
"Nội thương"(2) đất Việt cảnh lầm than(3),
Ở tù mắc bệnh càng cay đắng
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn !

(Nhật kí trong tù)
Nam Trân *dịch*

Chú giải

(1) *Ngoại cảm :* bệnh do thời tiết thay đổi tác động đến cơ thể con người (nghĩa dùng trong bài thơ này).

ruongxua.vn

(2) *Nội thương* (ít dùng) : bệnh do bên trong cơ thể có tổn thương. Ở đây chỉ nỗi đau trong lòng Bác khi nghĩ đến cảnh đất nước đang bị lầm than. Đừng lầm với *nội thương* là việc buôn bán trong nước.

(3) Hai câu đầu bài thơ này là phỏng theo lời và lấy ý của hai câu thơ của Hoàng Phan Thái, một nhà nho ở Nghệ An, đã tham gia cuộc nổi dậy chống triều đình nhà Nguyễn và bị xử tử.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Em hiểu như thế nào ý nghĩa của hai câu đầu của bài thơ, nhất là câu thứ hai ? Hai chữ "*nội thương*" ở đây cần được hiểu như thế nào ? Qua đó, em hãy cho biết nỗi đau khổ của người tù Hồ Chí Minh khi ốm nặng là nỗi đau khổ vì đâu ?

2. Em hiểu như thế nào về tâm trạng của tác giả thể hiện trong câu thứ tư của bài thơ ? Bài thơ đã cho em hiểu gì thêm về tâm hồn tác giả ?

3. Theo em, những yếu tố nghệ thuật đáng chú ý nào làm nên sức truyền cảm của bài thơ ?

BÀI ĐỌC THÊM

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI UNG NINH[1]

HỒ CHÍ MINH

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình[2] ;
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

(Nhật kí trong tù)
Nam Trân *dịch*

Chú giải

(1) *Ung Ninh :* tức Nam Ninh, một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc), huyện lị là thị trấn cùng tên là Nam Ninh Trong chuỗi ngày bị cầm tù, Hồ Chí Minh bị giải đi khắp ba chục nhà lao của 13 huyện tỉnh Quảng Tây mà hầu như chỉ đi bộ. Chỉ một lần, người tù cách mạng đó được đi bằng tàu hỏa, nhưng lại là "*ngồi trên một đống than*" ; và một lần được đi thuyền, nhưng lại "*chân treo tựa giảo hình*". Đó chính là lần "*đáp thuyền đi Ung Ninh*" được nói đến trong bài này.

(2) *Giảo hình :* hình phạt xử tử bằng cách treo cổ.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Qua hai câu thơ 3 và 4, em có nhận xét gì về cảm xúc của tác giả trước cảnh vật xung quanh ? Phải chăng, Hồ Chí Minh chỉ quan tâm, vui sướng trước vẻ đẹp của phong cảnh thiên nhiên ?

2. Chú ý rằng cảm xúc đó nảy sinh trong lúc tác giả – người tù Hồ Chí Minh – đang trong cảnh ngộ bị đày đọa khốn khổ. Vậy từ đó, em có suy nghĩ gì về tâm hồn của Người ?

Bài 14

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945

1. Văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 có những đặc điểm chung gì ? Hãy giải thích vắn tắt những đặc điểm đó.

2. Lập một bảng thống kê các tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam thời kì từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 được học (kể cả đọc thêm) và được kể đến trong *Bài 1* sách *Văn học 8*, Tập một. Chú ý sắp xếp, phân loại theo các mặt :

- Các chặng phát triển của văn học
- Các khu vực, trào lưu văn học
- Các thể loại văn học.

ruongxua.vn

3. Qua các bài thơ đã học (và đọc thêm) của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, hãy phân tích làm nổi bật lòng yêu nước, khí phách anh hùng của các chí sĩ yêu nước đầu thế kỉ. Hãy nêu lên nét đặc sắc nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của những bài thơ luật Đường đó.

4. Tìm hiểu tâm sự của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và Á Nam Trần Tuấn Khải qua các bài thơ đã học của hai nhà thơ đó. Vì sao Tản Đà "muốn làm thằng Cuội" ? Với hình tượng cô gái "gánh nước đêm" và tâm sự của cô, nhà thơ Á Nam muốn nói lên điều gì ?

5. Nêu lên những nét nổi bật nhất trong nội dung cảm xúc và bút pháp nghệ thuật của các bài *Nhớ rừng* (Thế Lữ), *Ông đồ* (Vũ Đình Liên), *Quê hương* (Tế Hanh).

Gợi ý : tâm sự u uất và niềm khao khát tự do mãnh liệt, hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ, bút pháp lãng mạn của bài *Nhớ rừng* ; lòng cảm thương chân thành, niềm hoài cổ âm thầm, sâu xa và nghệ thuật giản dị mà cô đọng của bài *Ông đồ* ; hình ảnh

thiên nhiên, con người và cuộc sống lao động mang vẻ đẹp tươi sáng, đầy sức sống của một làng quê miền biển, được thể hiện với tấm lòng yêu quê hương đằm thắm cùng bút pháp thơ trong sáng của bài *Quê hương*.

6. Phân tích nỗi lòng đau khổ của chú bé mồ côi xa mẹ (nhân vật "tôi") và tình yêu thương mãnh liệt đối với người mẹ của chú trong bài *Trong lòng mẹ* (*Những ngày thơ ấu* – Nguyên Hồng). Có nhận xét gì về nét nổi bật trong bút pháp nghệ thuật của tác giả làm nên sức truyền cảm đặc biệt của tác phẩm ? Hiểu như thế nào về nhận định Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ và nhi đồng ?

7. Viết tóm tắt (khoảng 20 dòng) nội dung các truyện ngắn *Sống chết mặc bay* (Phạm Duy Tốn), *Đồng hào có ma* (Nguyễn Công Hoan) và *Lão Hạc* (Nam Cao).

– Bộ mặt thật của bọn quan lại phong kiến được thể hiện như thế nào trong hai truyện ngắn *Sống chết mặc bay* và *Đồng hào có ma* ? Biện pháp dựng hai cảnh đối lập trong *Sống chết mặc bay* và bút pháp trào phúng (tạo tình huống trào phúng, cường điệu, giọng văn trào phúng...) của *Đồng hào có ma* có tác dụng nghệ thuật như thế nào ?

– Số phận thê thảm và tâm hồn cao quý của lão Hạc ; cách viết vừa rất mực chân thực vừa thấm đượm cảm xúc của ngòi bút Nam Cao.

8. Nêu vắn tắt giá trị tư tưởng và nghệ thuật chủ yếu của tiểu thuyết *Tắt đèn*. Vì sao có thể nói *Tắt đèn* vừa là bức tranh xã hội chân thực về nông thôn Việt Nam đương thời, vừa là bản án đanh thép đối với xã hội ấy ?

9. Qua những đoạn văn trích giảng của tiểu thuyết *Tắt đèn*, hãy nêu bật bộ mặt tàn ác xấu xa của bọn địa chủ phong kiến cùng tay sai của chúng và tình cảnh khốn cùng của người nông dân bị áp bức bóc lột tàn tệ trước cách mạng.

10. Phân tích nỗi đau đớn và vẻ đẹp của hình tượng chị Dậu qua các đoạn văn trích giảng của *Tắt đèn*. Nêu lên những đặc sắc về nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả.

thuongmaitr

11. Nêu bật vẻ đẹp tâm hồn của người thanh niên cộng sản trong các bài *Từ ấy, Khi con tu hú*. Vì sao có thể cho rằng bút pháp thơ ở hai bài này chủ yếu là lãng mạn ?

12. Nêu lên giá trị tư tưởng và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn *Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu* của Nguyễn Ái Quốc. Vì sao có thể nói đây là sáng tác có tính chiến đấu cao và tính nghệ thuật cao ?

13. Vì sao, tuy Hồ Chí Minh viết (trong *Nhật kí trong tù*) : "*Ngâm thơ ta vốn không ham*" nhưng Người vẫn làm nhiều thơ và có những bài rất hay ?

14. Qua những bài thơ của Hồ Chí Minh đã học (và đọc thêm), nêu những nét nổi bật làm nên vẻ đẹp tâm hồn tuyệt vời của Người.

ruongxua.vn

PHẦN HAI

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1

LUY-XER-NƠ

(Trích)

Tiểu dẫn

Lep Tôn-xtôi (1828 - 1910) là một đại văn hào Nga, tác giả của bộ tiểu thuyết nổi tiếng thế giới *Chiến tranh và hòa bình* và nhiều kiệt tác khác.

Tôn-xtôi viết truyện *Luy-xer-nơ* năm 1857. Luy-xer-nơ là một thị trấn nghỉ mát ở Thụy Sĩ, giới thượng lưu châu Âu thường tới đây nghỉ ngơi, du lịch. Nhân vật xưng "tôi" trong truyện (là công tước Nê-khơ-liu-đôp) đi nghỉ ở Luy-xer-nơ, trọ ở khách sạn Svêi-xer-gôp. Những ngày đầu tâm trạng "rầu rĩ", cô đơn. Một buổi chiều trên đường ven hồ về khách sạn, nhân vật xưng "tôi" bỗng dưng nghe có tiếng nhạc...

Tôi đi trên đường ven hồ về khách sạn Svêi-xer-gôp, chỉ chầm chầm nhìn vào chân mình, bỗng nhiên có tiếng nhạc lạ lùng, nhưng cực kì thú vị và dễ nghe làm cho tôi sững sờ. Những âm thanh đó tức thời làm cho tôi tươi tỉnh lên ngay. Tựa hồ như có một thứ ánh sáng rực rỡ, vui tươi rọi vào hồn tôi. Tôi thấy dễ chịu, vui vẻ. Sự chú ý đã thiếp ngủ của tôi lại hướng về mọi vật xung quanh. Và vẻ đẹp của đêm tối, của hồ nước mà trước đây tôi thờ ơ, bỗng nhiên làm cho tôi ngạc nhiên vui sướng như cảnh vật mới vậy. Bất giác trong một khoảnh khắc tôi đã kịp

nhận thấy cả bầu trời u ám vì những mảng xám trên nền xanh thẫm, sáng ánh trăng đang lên. Cả mặt hồ phẳng lặng mầu xanh lá cây sẫm với những đốm lửa phản chiếu trên đó, cả những ngọn núi mờ sương ở phía xa, cả tiếng ếch kêu từ Phri-ô-sen-burg[1], cả tiếng hót tươi vui đẫm sương của những con cun cút ở bờ bên kia. Ngay phía trước tôi, từ chỗ vọng lên tiếng nhạc và tại nơi tôi tập trung chú ý, tôi nhìn rõ trong bóng tối nhá nhem ở giữa phố một đám đông người chen chúc thành hình vòng cung, còn phía trước đám đông cách hơi xa một chút là một người nhỏ nhắn mặc quần áo màu đen. Đằng sau đám đông và con người nhỏ bé đó, trên nền trời rách nát màu xám thẫm và xanh lam nổi bật bóng mấy cây dương thẳng tắp hình chóp ở trong vườn và hai nóc nhọn trang nghiêm trên các ngọn tháp của ngôi nhà thờ cổ uy nghi vươn lên ở hai phía.

Tôi bước lại gần, tiếng nhạc càng rõ hơn. Tôi đã phân biệt được rành mạch những hợp âm hoàn chỉnh của đàn ghi ta ở phía xa đang êm đềm xao động trong không khí chiều hôm và một vài giọng hát đuổi, không hát mô-tip chính, mà ở một đôi chỗ hát những đoạn nối nhất, làm cho người ta cảm nhận mô-tip[2] chính của bài hát. Mô-tip chính của bài hát tựa như một khúc ma-duốc-ca[3] dễ nghe và duyên dáng. Các giọng hát tựa như khi gần khi xa, lúc bổng lúc trầm, lúc là giọng kim[4] phát từ cuống họng với những luyến láy thánh thót kiểu xứ Ti-rôn[5]. Đó không phải là bài hát mà là phác thảo điệu luyện nhẹ nhàng của một bài hát. Tôi không thể hiểu đó là cái gì, nhưng nghe rất tuyệt. Những hợp âm ghi ta yếu ớt say đắm đó, giai điệu nhẹ nhõm dễ nghe đó và hình bóng đơn độc của con người nhỏ bé vận đồ đen giữa khung cảnh huyền ảo của mặt hồ tối thẫm, giữa ánh trăng tỏa sáng, với hai nóc nhọn lớn trên đỉnh tháp lẫm lì vươn cao và những bóng cây dương hình chóp ở trong vườn, tất cả những cái đó đều lạ lùng, nhưng đẹp khôn tả, hoặc là tôi tưởng như vậy.

Mọi ấn tượng bất giác, rối bời của cuộc sống bỗng chốc trở nên có ý nghĩa và đáng yêu đối với tôi. Tựa hồ như có một bông hoa nhỏ tươi tắn ngọt ngào nở bung trong hồn tôi. Thay vào sự mệt mỏi lơ đãng, dửng dưng với mọi thứ trên đời trong giây phút trước đó, tôi bỗng cảm thấy nhu cầu yêu thương, hi vọng

tràn đầy và niềm vui sống không duyên cớ. Mong muốn gì, ước ao gì ? – tôi bất giác nói – đấy, nó đấy, từ khắp mọi phía cái đẹp và chất thơ đang vây bọc lấy anh. Có bao nhiêu sức lực anh hãy căng rộng lồng ngực mà hít thở lấy nó, hãy hưởng thụ cho thỏa thích những gì mà anh còn cần ! Tất cả là của anh, tất cả là hạnh phúc...

Tôi bước lại gần hơn. Con người nhỏ bé đó hình như là người xứ Ti-rôn đi hát rong. Anh ta đứng trước cửa sổ khách sạn, choãi cẳng chân nhỏ, hất mái đầu lên và bấm đàn ghi ta, hát bài ca duyên dáng của mình bằng các giọng khác nhau. Tôi lập tức cảm thấy mến con người đó và cảm ơn anh ta vì chuyển biến mà anh đã gây nên trong lòng tôi. Ca sĩ, cứ như tôi có thể nhìn thấy, vận chiếc áo đuôi én cũ kĩ màu đen, có mái tóc đen, ngắn và đầu đội chiếc mũ cũ kĩ giản dị nhất của tầng lớp tiểu thị dân. Áo xống của anh chả có vẻ gì là nghệ sĩ, nhưng cái tư thế linh hoạt vui như trẻ thơ và những động tác của vóc dáng nhỏ bé của anh tạo nên cảnh tượng cảm động và đồng thời ngộ nghĩnh. Các quý bà mặc váy rộng, lóng lánh đồ trang sức, các quý ông với những cổ áo trắng muốt, những người gác cửa và hầu bàn mặc áo thêu chỉ vàng đứng ở cổng, cạnh cửa sổ và trên các ban công của ngôi nhà khách sạn rực rỡ ánh đèn ; trên phố, những người hầu bàn ăn mặc bảnh bao, các bác đầu bếp đội mũ không vành, vận áo blu-dông trắng muốt, các cô gái đứng ôm nhau, những người đi dạo chơi tụ tập, dừng lại thành đám đông hình vòng cung và xa hơn, trên đường trồng cây, giữa các cây đoạn. Hình như tất cả mọi người đều có cảm xúc giống như tôi. Tất cả im lặng đứng xung quanh ca sĩ và chăm chú lắng nghe. Tất cả đều lặng lẽ, chỉ có giữa chừng bài hát, từ đâu đó xa xa có tiếng búa vọng đến đều đều trên mặt nước hồ và nghe rõ tiếng ếch nhái rời rạc từ Phri-ô-sen-burg xen lẫn tiếng kêu đơn điệu ướt át của những con cun cút.

Trong bóng tối giữa đường phố, con người nhỏ bé giống như con chim họa mi chuyển hết điệp khúc này sang điệp khúc khác, hết bài hát này đến bài hát khác. Mặc dầu tôi đã bước tới sát gần anh, tiếng hát của anh vẫn tiếp tục làm cho tôi hết sức khoan khoái. Giọng hát nhỏ nhẹ của anh nghe vô cùng dễ chịu. Giọng dịu dàng tinh tế và nhịp nhàng đó thật là phi thường và

chứng tỏ anh có tài năng bẩm sinh lớn. Anh hát điệp khúc của mỗi khúc hát mỗi lần một khác, và rõ ràng là tất cả những biến tấu[6] duyên dáng đó đã tức thời đến với anh một cách thoải mái.

Trong đám đông ở phía trên khách sạn Svêi-xer-gôp cũng như đường trồng cây phía dưới, thỉnh thoảng lại vang lên tiếng thì thào tán thưởng và sự im lặng kính trọng bao trùm tất cả. Ngày càng có thêm nhiều đàn ông và đàn bà ăn diện, đẹp như tranh vẽ dưới ánh sáng của ngôi nhà, ra tì khuỷu tay lên ban công và cửa sổ lắng nghe. Những người đang dạo chơi dừng lại và trong bóng tối trên đường ven hồ gần các cây đoạn, ở khắp nơi, đàn ông và đàn bà đứng tụm lại thành từng tốp. Người hầu bàn và bác đầu bếp quý phái miệng phì phèo thuốc lá, hơi tách khỏi đám đông một chút. Bác đầu bếp cảm thấy rõ rệt sức quyến rũ của âm nhạc và cứ nghe mỗi nốt cao hát giọng kim bác lại hân hoan băn khoăn gật gù nháy nháy anh hầu bàn và huých khuỷu tay vào anh ta như có ý nói : hát thế mới là hát chứ, hả ? Qua nụ cười toe toét của anh hầu bàn, tôi nhận thấy anh ta rất khoái trá, trả lời cái huých của bác đầu bếp, anh ta nhún vai tỏ cho biết rằng khó mà làm cho anh ta ngạc nhiên được, anh ta đã từng nghe nhiều cái hay hơn như thế này.

Giữa chừng bài hát, khi ca sĩ húng hắng ho, tôi hỏi anh hầu bàn xem ca sĩ là ai và anh ta có hay đến đây không.

– Anh ta đến đây hai lần vào mùa hè – anh hầu bàn đáp – anh ta là người ở Ar-gô-vi-a. Thế đấy, nghèo rớt mồng tơi.

– Có nhiều người như thế đi hát rong không ? – Tôi hỏi

– Có, có – anh hầu bàn đáp, chưa hiểu ngay tôi muốn hỏi cái gì, nhưng sau đó, khi đã rõ câu hỏi của tôi, anh ta nói thêm : Ô không ! Ở đây tôi chỉ gặp mỗi một mình anh ta thôi. Ngoài ra chả có ai cả.

Trong lúc ấy con người nhỏ bé đã kết thúc bài hát thứ nhất, nhanh nhẹn úp mặt đàn ghi ta xuống và nói gì đó về mình bằng thứ tiếng Đức địa phương của anh ta khiến tôi không hiểu, nhưng làm cho đám đông xung quanh cười ồ lên.

– Anh ta nói gì thế hả ? – Tôi hỏi.

– Anh ta nói rằng đã ráo cổ muốn được nhấp chút rượu vang – anh hầu bàn đứng cạnh dịch cho tôi nghe.

– Thế ra anh ta thích uống rượu thật à ?

– Tất cả những người này đều như thế cả – anh hầu bàn đáp, mỉm cười và phẩy tay trước mặt ca sĩ.

Ca sĩ ngả mũ và vung đàn ghi ta lên, tiến lại gần khách sạn. Anh ta ngửa đầu ra, hướng về phía các quý ông đứng cạnh cửa sổ và trên ban công ; anh ta nói bằng cái giọng nửa Ý, nửa Đức và theo kiểu những người làm trò ảo thuật đối với công chúng : "Nếu quý vị tưởng rằng tôi kiếm được chút gì thì quý vị nhầm ; tôi chỉ là một kẻ nghèo túng". Anh ta dừng lại. Im lặng một lát, nhưng vì chả ai cho anh cái gì nên anh lại hất đàn ghita lên và nói : "Bây giờ, thưa quý ông quý bà, tôi sẽ hát hiến quý ông quý bà bài ca về núi Ri-ghi".

Công chúng đứng ở phía trên im lặng, nhưng vẫn tiếp tục đứng đó chờ nghe bài hát tiếp theo, đám đông ở phía dưới cười rộ, có lẽ, vì thấy anh ta diễn đạt kì quặc như vậy và vì người ta chẳng cho anh ta cái gì. Tôi cho anh ta mấy xăng-tim[1], anh khéo léo chuyển tiền từ tay nọ sang tay kia, nhét vào túi gi-lê, rồi đội mũ và lại bắt đầu hát bài ca duyên dáng đáng yêu của xứ Ti-rôn mà anh ta gọi là khúc hát về Ri-ghi. Bài ca mà anh ta dùng để kết thúc chương trình còn hay hơn tất cả những bài trước và tiếng tán thưởng vang lên từ mọi phía trong đám đông càng đông thêm. Anh ta đã kết thúc. Anh lại vung đàn ghi ta lên, ngả mũ, chìa mũ ra phía trước, tiến hai bước nhích lại phía các cửa sổ và lại thốt lên câu nói khó hiểu : "Thưa quý ông và quý bà, nếu quý vị tưởng rằng tôi kiếm được chút gì", câu nói mà có lẽ anh ta cho là rất khéo và dí dỏm, nhưng qua giọng nói và động tác của anh, giờ đây tôi nhận thấy có cái gì do dự và bẽn lẽn trẻ thơ là những cái đặc biệt lạ kì so với vóc người nhỏ bé của anh. Đám công chúng diêm dúa đẹp như tranh vẽ dưới ánh đèn vẫn đứng nguyên trên các ban công và cạnh các cửa sổ, quần áo sang trọng, lóng lánh ; một vài người trò chuyện với nhau, giọng lịch thiệp từ tốn, hiển nhiên là nói về người ca sĩ đang đứng chìa tay trước mặt họ, số khác chăm chú, tò mò nhìn xuống hình bóng nhỏ bé vận đồ đen đó, trên ban công vang

lên tiếng cười vui vẻ giòn tan của một cô gái trẻ. Tiếng trò chuyện và giễu cợt ngày càng to hơn trong đám đông ở phía dưới. Ca sĩ nhắc lại câu nói của mình lần thứ ba, nhưng bằng giọng đã yếu đi nhiều lắm và thậm chí không nói hết câu, anh ta lại chìa mũ ra, rồi lập tức hạ tay xuống. Và một lần nữa, trong số hàng trăm con người ăn vận lộng lẫy tụ tập nghe anh ta hát đó, không một ai ném cho anh ta lấy một xu. Đám đông nhẫn tâm cười hô hố. Tôi tưởng chừng như ca sĩ nhỏ bé càng trở nên nhỏ bé hơn, anh ta cầm ghi ta trong tay kia, nhấc mũ khỏi đầu và nói : "Thưa quý ông và quý bà, tôi xin cám ơn quý vị và chúc quý vị ngon giấc", rồi đội mũ vào. Đám đông thích thú cười khanh khách. Những người đàn ông và đàn bà diêm dúa bắt đầu hơi né mình khỏi ban công, bình thản trò chuyện với nhau. Cuộc dạo chơi lại tiếp tục trên con đường trồng cây. Đường phố lặng đi lúc nghe hát, lúc này lại rộn lên, có mấy người không bước lại gần ca sĩ, mà chỉ đứng xa nhìn anh ta và cười ngất. Tôi nghe thấy con người nhỏ bé làu bàu nói gì đó, quay ngoắt người lại và tựa hồ như anh ta càng trở nên nhỏ bé hơn, rảo bước đi về phía thị trấn. Những người đi dạo khoái chí nhìn anh ta và vừa đi theo anh ta cách quãng như thế, vừa cười vang...

uongxua.vn

Tôi bối rối quá, chẳng hiểu tất cả những cái đó là thế nào và đứng nguyên tại chỗ, tôi đờ đẫn nhìn con người nhỏ bé đang đi xa dần vào bóng đêm, sải những bước dài, tiến nhanh về phía thị trấn, và nhìn những người đi dạo đang cười cợt, đi theo anh ta. Tôi cảm thấy đau đớn, cay đắng và cái chính là xấu hổ cho con người nhỏ bé, cho đám đông, cho bản thân mình, tựa hồ như tôi đã hỏi xin tiền, nhưng người ta chẳng cho tôi gì cả và cười nhạo tôi. Tôi cũng không ngoái nhìn lại, lòng đau như thắt, bước nhanh lên thềm khách sạn Svêi-xer-gôp để về phòng. Tôi còn chưa hiểu rõ cảm xúc của mình, chỉ có điều có cái gì nặng trĩu, nan giải tràn ngập và đè nặng trong lòng tôi.

NGUYỄN HẢI HÀ *dịch*

Chú giải

(1) *Phri-ô-sen-burg* : một làng gần Luy-xer-nơ ở Thụy Sĩ.

(2) *Mô-tip* : ở đây, có nghĩa là giai điệu.

(3) *Ma–đuốc–ca :* một điệu nhảy và điệu nhạc dân tộc của Ba Lan.

(4) *Giọng kim :* giọng nam cao khác thường.

(5) *Xứ Ti–rôn :* một địa phương trên lãnh thổ nước Áo.

(6) *Biến tấu :* khi một giai điệu được biến đổi ít nhiều mà vẫn giữ được những nét nhạc cơ bản thì đó là biến tấu.

(7) *Xăng–tim :* một xăng–tim chỉ bằng một phần trăm đồng phơ–răng, giá trị rất nhỏ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tiếng hát của người ca sĩ nghèo đã tác động như thế nào tới nhân vật xưng "tôi" ? Có thể tìm những từ ngữ ở ngay trong văn bản trích đoạn để trả lời.

Ví dụ : Tiếng hát của người ca sĩ đã làm cho nhân vật xưng "tôi" :

– "sững sờ"

– "tươi tỉnh"

....

thuongmaitr

2. Vì sao vừa mới nhìn thấy người ca sĩ, nhân vật xưng "tôi" "lập tức cảm thấy mến con người đó" ?

3. Để diễn đạt tác động diệu kì của âm nhạc tới tâm hồn con người, tác giả đã đưa ra hai hình ảnh đặc sắc :

– "Tựa hồ như có một thứ ánh sáng rực rỡ, vui tươi rọi vào hồn tôi".

– "Tựa hồ như có một bông hoa nhỏ tươi tắn ngạt ngào nở bung trong hồn tôi".

Em hãy đưa ra một hình ảnh diễn tả tác động mạnh mẽ của nghệ thuật tới tâm hồn em, một lần nào đó em đọc được một áng văn hay, nghe được một bản nhạc hay hoặc xem được một bức tranh đẹp.

4. Sự tương phản giữa cách ăn mặc của người ca sĩ nghèo và trang phục, trang sức của công chúng thượng lưu xung quanh ?

5. Trong khi nghe hát, thái độ của những người hầu bàn, đầu bếp khác với thái độ của những người thuộc giới thượng lưu như thế nào ?

6. Trước việc người nghệ sĩ nghèo xin tiền, những người thượng lưu vừa mới nghe hát một cách say mê đã biểu lộ những thái độ như thế nào ? So sánh với thái độ của nhân vật xưng "tôi".

BÀI ĐỌC THÊM

LUY-XER-NƠ

(Trích)

"Đấy, số phận của thi ca lạ lùng như vậy đó, tôi hơi trấn tĩnh lại, suy xét. Mọi người đều yêu quý, đều đi tìm nó, chỉ ao ước và đi tìm độc có mình nó trong cuộc đời, vậy mà chẳng ai chịu thừa nhận sức mạnh của nó, chẳng ai chịu đánh giá cao niềm hạnh phúc tuyệt vời này của thế gian, chẳng ai đánh giá cao và cảm ơn những kẻ đã đem lại cho con người niềm hạnh phúc đó. Anh hãy hỏi bất kì ai trong số tất cả những người ngụ tại khách sạn Svêi-xer-gôp : hạnh phúc nào tuyệt diệu nhất ở trên đời này ? Và tất cả hoặc là chín mươi chín phần trăm sẽ cay độc nói với anh rằng đồng tiền là hạnh phúc tuyệt vời nhất trên thế gian... Các anh rời bỏ Tổ quốc của mình, rời bỏ bà con thân thuộc, công việc và những chuyện tiền nong để đến tụ tập trong thị trấn Luy-xer-nơ nhỏ bé này của Thụy Sĩ để làm gì ? Vì sao chiều tối hôm nay tất cả các anh đều ùa ra ban công và lặng lẽ kính cẩn nghe bài hát của con người cùng khổ nhỏ bé đó ? Và giá như anh ta còn muốn hát nữa, thì chắc các anh vẫn còn im lặng và lắng nghe đấy nhỉ. Phải chăng người ta có thể dùng tiền, cứ cho là bạc triệu đi, để xua đuổi tất cả các anh rời khỏi Tổ quốc và tụ tập trong cái góc nhỏ bé ở Luy-xer-nơ này ? Phải chăng người ta có thể dùng tiền tụ tập tất cả các anh trên các ban công và buộc các anh đứng im lặng và bất động trong suốt nửa tiếng đồng hồ ? Không ! Chỉ có độc một thứ buộc các anh hoạt động và nó sẽ vĩnh viễn chuyển động mạnh hơn mọi động cơ khác trên cõi đời này : đó là nhu cầu thi ca[1] mà các anh không ý thức được, nhưng cảm nhận thấy, và các anh sẽ mãi mãi cảm nhận thấy, chừng nào trong các anh còn có chút chất người. Tôi hầu như hiểu, hoặc đã quen với tình trạng con người không biết cái gì đem lại hạnh phúc cho mình, quen với sự thưởng thức một cách vô ý thức, vì tôi thường gặp những hiện tượng đó trong đời, thói tàn nhẫn thô bạo, vô ý thức của đám đông đối với tôi cũng không phải là điều gì mới lạ, dù những

người bảo vệ cái lợi ích của quần chúng có nói gì đi chăng nữa, đám đông vẫn là sự kết hợp của những con người tuy tốt, nhưng chỉ liên hệ với nhau bởi những phương diện có tính chất thú vật, bỉ ổi và chỉ thể hiện chỗ yếu và thói tàn nhẫn của bản chất con người. Nhưng vì sao các anh, những đứa con của một dân tộc tự do, nhân đạo, những tín đồ Ki-tô giáo, các anh vốn là những con người, lại đã lạnh lùng và giễu cợt đáp lại cái khoái cảm trong trắng mà con người van xin bất hạnh đó đem lại cho các anh ? Nhưng không, trên đất nước của các anh có nơi trú ngụ cho những người hành khất kia mà. Lẽ ra không nên có loại người hành khất, không nên có bọn họ và không nên có sự thông cảm vốn là chỗ dựa của cảnh đi hành khất. Nhưng người ca sĩ nghèo đâu có ăn xin, anh ta lao động, anh ta mua vui cho các anh, anh ta cầu xin các anh bớt ra chút ít trong số tiền thừa thãi của các anh để trả công cho phần lao động mà các anh đã sử dụng. Ấy vậy mà các anh mỉm cười lạnh lùng đứng từ trên những căn phòng hoa lệ cao rộng của mình quan sát anh ta như xem thứ đồ lạ và trong số hàng trăm người các anh, những kẻ sung sướng, giàu có, không có lấy một người đàn ông, một người đàn bà nào ném được cho anh ta chút gì. Anh ta hổ thẹn, rồi bỏ các anh ra đi, và đám đông ngu ngốc cười cợt đi theo và xúc phạm không phải các anh, mà là anh ta, vì lẽ các anh lạnh lùng, tàn nhẫn và vô liêm sỉ, vì lẽ các anh đã đánh cắp khoái cảm mà anh ta đã đem lại cho các anh, vì lẽ đó mà anh ta đã bị xúc phạm.

"Ngày mùng 7 tháng Bảy năm 1857 tại Luy-xer-nơ, trước cửa khách sạn Svêi-xer-gôp, nơi những người giàu có nhất nghỉ lại, một người hát rong nghèo khổ đã hát và chơi đàn ghi ta trong suốt nửa tiếng đồng hồ. Gần một trăm người đã nghe anh ta hát. Ca sĩ đã ba lần xin mọi người cho anh ta chút gì đó. Không một người nào cho anh ta gì cả và nhiều người cười cợt anh ta".

NGUYỄN HẢI HÀ *dịch*

Chú giải

(1) Ở đoạn này, "*thi ca*" được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm toàn bộ nghệ thuật.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Ở trích đoạn này, tác giả phê phán sự bủn xỉn của những người khách thượng lưu và sự tàn nhẫn, sự ngu ngốc của đám đông đã cười cợt, chế giễu người nghệ sĩ nghèo.

Đồng thời tác giả làm nổi bật sức mạnh to lớn của nghệ thuật. Nghệ thuật :

- là "niềm hạnh phúc tuyệt vời của thế gian",
- là động lực hoạt động của con người mạnh hơn mọi động lực khác.

Em hãy bình luận ý kiến trên.

Bài 2

CHÙM THƠ GAC-XI-A LOR-CA

Tiểu dẫn

uongxua.vn

Gac-xi-a Lor-ca (1898-1936) là nhà thơ lớn Tây Ban Nha, sinh ở tỉnh Grơ-na-đa. Ông là nhà thơ yêu cuộc sống, yêu Tổ quốc và nhân dân Tây Ban Nha tha thiết. Thơ ông trong sáng, giản dị, giàu màu sắc, giàu nhạc điệu, mang đậm hơi thở của ca dao, dân ca mà ông đã từng đi khắp đất nước để sưu tầm, ghi chép, xem đó là ngọn nguồn nuôi dưỡng cho sáng tác của mình. Ông bị bọn phát xít bắt giam và sát hại ở Grơ-na-đa.

1. BÀI HÁT

Cô con gái mặt đẹp
Đang hái quả ô-liu[1]
Ngọn gió quen ve vuốt
Ôm tấm thân yêu kiều[2].

Bốn kị sĩ[3] đi qua
Trên bốn con ngựa tốt
Vận quần áo màu xanh
Đội mũ nhung dạ mượt.

thuongmaitr

– Đi Cor–đu[4], cô ơi !
Cô gái không trả lời.

Ba lực sĩ[5] đi qua
Thân hình cao đẹp đẽ
Vận quần áo màu cam
Đeo gươm bằng bạc quý.

– Đi Cor–đu, cô ơi !
Cô gái không trả lời.

Và khi chiều sắc tím
Mờ trong ngày chập chờn
Một thanh niên lại đến
Mang hoa hồng ánh trăng.

– Đi Grơ-nat[6], cô ơi !
Cô gái không trả lời.

Cô con gái mặt đẹp
Vẫn hái quả ô-liu
Gió đưa cánh tay xám
Ôm tấm thân yêu kiều.

TẾ HANH *phỏng dịch*

2. KHÔNG ĐỀ

Bài ca
Chưa bao giờ được hát
Ngủ trên môi tôi rất đỗi u buồn
Bài ca
Chưa bao giờ được hát

Trong khu vườn hoang sơ đâu đó
Con đom đóm đầu tiên lập lòe
Mặt trăng như tấm lưới bằng vàng
Tuôn ra trên con sông nhỏ

Và bài ca tôi mơ khi đó
Là bài ca
Chưa được hát bao giờ

Bài ca những đôi môi trầm tư[7]
Và hơi ấm bâng khuâng sương giá

Bài ca những phút giây quên lãng
Lạc đường đi trong bóng đêm dầy
Bài ca của ngôi sao du mục[8]
Trên buổi bình minh không tàn.

BẰNG VIỆT *dịch*

truongxua.vn

3. TỪ BIỆT

Nếu tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở
Em nhỏ đang ăn trái cam
Từ trên ban công tôi còn được thấy
Những người gặt mùa đi gặt lúa mì
Từ trên ban công tôi còn được nghe
Nếu tôi chết đi
Xin cứ để ban công rộng mở.

BẰNG VIỆT *dịch*

Chú giải

(1) *Ô–liu* : một loại trái cây có dầu được trồng nhiều ở các nước châu Âu.

(2) *Yêu kiều :* mềm mại, xinh đẹp (nói về phụ nữ).

thuongmaitr

(3) *Kị sĩ :* người cưỡi ngựa.

(4) *Cor–đu :* một thành phố ở Tây Ban Nha.

(5) *Lực sĩ :* người vạm vỡ, có sức khỏe phi thường.

(6) *Gro–nat :* chính là Grê–na–đa, một thành phố ở Tây Ban Nha.

(7) *Trầm tư :* trầm ngâm suy nghĩ.

(8) *Du mục :* ở đây hiểu theo ý là luôn luôn di chuyển.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm hiểu các hình ảnh thiên nhiên tuyệt vời (bài 1, bài 2), các bức tranh sinh hoạt của nhân dân (bài 1, bài 3), với rất nhiều màu sắc được sử dụng (bài 1) trong chùm thơ trên để chứng minh Gac–xi–a Lor–ca là nhà thơ yêu cuộc sống, yêu Tổ quốc và nhân dân Tây Ban Nha tha thiết. Tại sao có thể nói tình cảm ấy được bộc lộ tha thiết nhất trong bài *Từ biệt ?*

2. Xem xét không khí vừa có tính chất hiện thực, vừa mang dáng dấp cổ tích (bài 1) và các kiểu nghệ thuật điệp khúc rất phong phú, đa dạng (ở cả ba bài) để thấy rõ thơ Gac–xi–a Lor–ca mang đậm hơi thở của ca dao, dân ca, giàu chất thơ, giàu nhạc điệu.

Bài 3

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

1. Lập bảng thống kê phân loại các bài văn học nước ngoài ở lớp 8 (tập 1 và tập 2, kể cả những bài đọc thêm) về các mặt : văn học nước nào, thời gian xuất hiện, tác giả, thể loại.

2. Nêu hai hoặc ba điểm chính cần ghi nhớ ở mỗi bài (cả những bài đọc thêm càng tốt).

3. Học thuộc lòng chùm thơ *Gac-xi-a Lor-ca*.

4. Tóm tắt nội dung các truyện *Bố của Xi-mông, Cố hương, Luy-xer-nơ* căn cứ vào các đoạn trích giảng và đọc thêm.

5. Học thuộc lòng một hoặc hai đoạn hay nhất tùy chọn trong bài *Chiếc lá cuối cùng*.

truongxua.vn

MẤY HÌNH THỨC LUYỆN TẬP

(Tùy giáo viên lựa chọn và có thể làm ngoài giờ)

1. Tổ chức đọc diễn cảm tại lớp các trích đoạn truyện ngắn nước ngoài có trong sách giáo khoa lớp 8.

2. Bài làm tại nhà hoặc tại lớp với đầu đề : "Nhân vật nào trong văn học nước ngoài ở lớp 8 để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc hơn cả ? Hãy thuật lại về nhân vật ấy và nêu lí do vì sao".

MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỘT
VĂN HỌC VIỆT NAM

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 *(Tiếp theo)*

Nguyễn Hoành Khung biên soạn

Bài 1. Ngô Tất Tố và tiểu thuyết *Tắt đèn*		(1 tiết)	3
Bài 2. Con có thương thầy, thương u... *(Trích)*	Ngô Tất Tố	(2 tiết)	9
Bài 3. Tức nước vỡ bờ	–	(2 tiết)	17
Bài đọc thêm : Một cảnh mua bán	–		23
Bài 4. Đồng hào có ma	Nguyễn Công Hoan	(2 tiết)	29
Bài 5. Lão Hạc	Nam Cao	(2 tiết)	36
Bài 6. Từ ấy	Tố Hữu	(1 tiết)	48
Bài 7. Khi con tu hú	–	(1 tiết)	50
Bài đọc thêm : Con chim của tôi	–		51
Bài 8. Lấy củi	Sóng Hồng	(1 tiết)	53
Bài 9. Tức cảnh Pác Bó	Hồ Chí Minh	(1 tiết)	54
Bài 10. Nhật kí trong tù	–	(1 tiết)	55
Bài 11. Không ngủ được	–	(1 tiết)	58
Bài 12. Ngắm trăng	–	(1 tiết)	59
Bài 13. Đi đường	–	(1 tiết)	60
Bài đọc thêm : Ốm nặng	–		61
Bài đọc thêm : Giữa đường đáp thuyền đi Ung Ninh	–		62
Bài 14. Hướng dẫn ôn tập Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945		(2 tiết)	63

PHẦN HAI
VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Bài 1. Luy-xer-nơ *(Trích)* L. Tôn-xtôi — Hoàng Ngọc Hiến biên soạn	(3 tiết)	66
Bài đọc thêm : Luy-xer-nơ *(Trích)* — Hoàng Ngọc Hiến biên soạn		73
Bài 2. Chùm thơ Gac-xi-a Lor-ca — Phùng Văn Tửu biên soạn	(2 tiết)	75
1 – Bài hát		75
2 – Không đề		77
3 – Từ biệt		78
Bài 3. Hướng dẫn ôn tập Văn học nước ngoài — Phùng Văn Tửu biên soạn	(2 tiết)	79

thuongmaitr

ruongxua.vn

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

Năm học 1998 - 1999

1.	Tiếng Việt 8	*tái bản*
2.	Văn học 8, tập một	*tái bản*
3.	Văn học 8, tập hai	*tái bản*
4.	Tập làm văn 8	*tái bản*
5.	Lịch sử 8, tập một	*tái bản*
6.	Lịch sử 8, tập hai	*tái bản*
7.	Địa lí 8	*tái bản*
8.	Giáo dục công dân 8	*tái bản*
9.	Vật lí 8	*tái bản*
10.	Hóa học 8	*tái bản*
11.	Đại số 8	*tái bản*
12.	Hình học 8	*tái bản*
13.	Sinh học 8	*tái bản*
14.	Kĩ thuật 8 *(Gia công vật liệu - Chăn nuôi)*	*tái bản*
15.	English 8	*tái bản*
	Tiếng Pháp 8	*tái bản*
16.	Mĩ thuật 8	*tái bản*
17.	Âm nhạc 8	*tái bản*
18.	Dàn bài tập làm văn 8	*tái bản*
19.	Bài tập Tiếng Việt 8	*tái bản*
20.	Bài tập Đại số 8	*tái bản*
21.	Bài tập Hình học 8	*tái bản*
22.	Bài tập Vật lí 8	*tái bản*
23.	Bài tập Hóa học 8	*tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

VĂN HỌC 8

TẬP HAI

In 50.000 bản, khổ 14,3 x 20,3 cm, tại Nhà máy in Diên Hồng. Số in : 102.
Số XB : 734/166 – 97. In xong và nộp lưu chiểu tháng 5 năm 1998.

Mã số : 2H824T8

Giá : **2.200 đ**